

**CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,**

Số/No: 576 /2020/CV - SHS
(V/v: Công bố thông tin Nghị quyết và
Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020)
(Ref: Information disclosure on Resolution and
Minutes of the Annual General Meeting of
Shareholders of 2020)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2020
Hanoi, June 24th, 2020

**Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hà Noi Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên công ty/ *Organization name*: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội/ *Sai Gon - Ha Noi Securities JSC.*,
2. Mã chứng khoán/*Securities Code*: SHS
3. Mã thành viên/*Member code*: 069
4. Địa chỉ trụ sở chính/*Address of head office*: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội/*1st -5th Floors, Unimex Hanoi Building, No. 41, Ngo Quyen road, Hoan Kiem district, Hanoi city.*
5. Điện thoại/*Telephone*: 024.38.181888 Fax/*Fax*: 024.38.181688
6. Người thực hiện công bố thông tin/*Spokesman*: Vũ Đức Tiến – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật/*Vu Duc Tien – General Director and Legal Representative*
7. Loại thông tin công bố/*Information disclosure type*: Bất thường trong 24h/ *Extraordinary in 24 hours*
8. Nội dung của thông tin công bố/*Contents of information disclosure*:
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội công bố thông tin như sau:*Saigon - Hanoi Securities JSC., announces information as followings:*
 - Nghị quyết số 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020/*Resolution No. 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ dated June 24th, 2020 of SHS' Annual General Meeting of Shareholders of 2020.*
 - Biên bản họp số 01-2020/BBH-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020/*Minutes No. 01-2020/BBH dated June 24th, 2020 of SHS' Annual General Meeting of Shareholders of 2020.*
9. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố/*Contents of information disclosure*:
<https://www.shs.com.vn/News/2020623/1010401/shs-cong-bo-thong-tin-nghi-quyet-va-bien-ban-hop-dhdcd-thuong-nien-nam-2020.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear the full responsibility to the law.*

Trân trọng/*Best regards./*

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- Nghị quyết số 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ/*Resolution No. 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ.*
- Biên bản họp số 01-2020/BBH-ĐHĐCĐ/*Minutes No. 01-2020/BBH.*
- Các Tờ trình từ 01-2020/TTr-HĐQT đến 05-2020/TTr-HĐQT/*Reports from 01-2020/ TTr-HĐQT to 05-2020/TTr-HĐQT.*

Người nhận/Recipients:

- Như trên /*As stated above;*
- Lưu VT, P.PC&QTRR/*Kept at Achives and L&R management department.*

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HÀ NỘI SECURITIES JSC.,



VŨ ĐỨC TIỀN
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

Số: 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
(Thường niên lần thứ XIII)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2019;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên 2020 (ĐHĐCĐ thường niên lần thứ XIII) số 01-2020/BBH-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020 với tỷ lệ biểu quyết 99,73%.
- Điều 2:** Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 với tỷ lệ biểu quyết 99,73%.
- Điều 3:** Thông qua Kế hoạch hoạt động Kinh doanh năm 2020 với tỷ lệ biểu quyết 99,73%.
- Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán với tỷ lệ biểu quyết 99,73%.
- Điều 5:** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 với tỷ lệ biểu quyết 99,73%.
- Điều 6:** Thông qua Quyết định số 32-2019/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2019 và Quyết định số 01-2020/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2020 của Hội đồng Quản trị về



PS

thay đổi Thành viên Hội đồng Quản trị (theo nội dung Tờ trình số 01-2020/TTr-HĐQT) với tỷ lệ biểu quyết 99,73%.

Điều 7: Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 (theo nội dung Tờ trình số 02-2020/TTr-HĐQT) với tỷ lệ biểu quyết là 99,67%.

Điều 8: Thông qua Báo cáo về việc chi Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch chi Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 (theo nội dung Tờ trình số 03-2020/TTr-HĐQT) với tỷ lệ biểu quyết 99,67%.

Điều 9: Thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020 (theo nội dung Tờ trình số 04-2020/TTr-HĐQT) với tỷ lệ biểu quyết 99,73%

Điều 10: Thông qua sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (theo nội dung Tờ trình số 05-2020/TTr-HĐQT) với tỷ lệ biểu quyết 99,73.%

Điều 11: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2020. Biên bản họp, các báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là một phần không tách rời của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, toàn thể Cổ đông các phòng ban, cá nhân có liên quan thuộc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ QUANG HIỂN

Nơi nhận:

1. Như Điều 11;
2. UBCKNN, TTLKCK,
Sở GDCK HN & TPHCM (để b/cáo);
3. Lưu VPHĐQT, VT.

Số: 01-2020/BBH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
(Thường niên lần thứ XIII)

A. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25/04/2019

B. Thời gian bắt đầu phiên họp: 13h30 ngày 24 tháng 6 năm 2020

C. Địa điểm: Phòng Hội trường Khách sạn Army số 1A đường Nguyễn Tri Phương, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

D. Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày 20/05/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp).

E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- **Chủ tọa Đại hội:** Ông Đỗ Quang Hiến - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Cổ đông.

- **Các Thành viên:**

- Ông Lê Đăng Khoa Thành viên Hội đồng Quản trị - Cổ đông;
- Ông Vũ Đức Tiến Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc, Cổ đông;
- Ông Mai Xuân Sơn Thành viên Hội đồng Quản trị, Cổ đông.
- Bà Nguyễn Diệu Trinh Thành viên Hội đồng Quản trị

2. Ban Thư ký:

- Ông Triệu Tuyên TP Tổ chức Hành chính Trưởng ban
- Bà Doãn Thị Như Quỳnh Phó CVP PT VPHĐQT Thành viên



ps

3. Ban Kiểm phiếu

- | | | |
|---------------------------|---------------------|------------|
| - Ông Vũ Đức Trung | TV Ban KS – Cổ đông | Trưởng ban |
| - Ông Trần Đình Dũng | TP TVTC&BLPH | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thủy Hạnh Mai | TP Pháp chế và QTRR | Thành viên |

4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông (được thành lập theo Quyết định số 05-2020/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2020 của Hội đồng Quản trị SHS):

- | | | |
|---------------------------|---------------------|------------|
| - Ông Võ Công Văn | TP CNTT | Trưởng ban |
| - Ông Vũ Đức Trung | TV Ban KS – Cổ đông | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thủy Hạnh Mai | TP Pháp chế và QTRR | Thành viên |

F. Điều kiện tiến hành Đại hội

Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông – Ông Võ Công Văn - báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020:

Tại thời điểm khai mạc (13 giờ 55 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty với cơ cấu cổ đông như sau:

Tổng số cổ đông theo Danh sách tại ngày chốt quyền tham dự họp do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp (ngày 20/05/2020) và đã gửi Thư mời tham dự Đại hội là **4.575** cổ đông nắm giữ **207.268.201** cổ phần có quyền biểu quyết.

Số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội là **180** cổ đông, đại diện cho **147.801.613** cổ phần, chiếm **71,31%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (**207.268.201** cổ phần), trong đó:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp là 63 cổ đông, đại diện cho 17.172.991 cổ phần, chiếm 8,29% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Số cổ đông ủy quyền là 117 cổ đông, đại diện cho 130.628.622 cổ phần, chiếm 63.02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

G. Nội dung phiên họp

1. **Quy chế làm việc tại Đại hội và Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
2. Đại hội cổ đông nhất trí 100% cho phép các Thành viên Đoàn Chủ tọa, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát đọc tóm tắt các Báo cáo, Tờ trình.
3. **Các báo cáo trình bày tại Đại hội bao gồm:**
 - 2.1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020 do ông Lê Đăng Khoa – Thành viên HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo.

- 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 do Ông Vũ Đức Tiến – Tổng Giám đốc báo cáo
- 2.3. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 do Bà Phạm Thị Bích Hồng - Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo.

4. Các Tờ trình do Hội đồng Quản trị trình bày tại Đại hội:

- 3.1. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua thay đổi Thành viên HĐQT (Tờ trình số 01-2020/TTr-HĐQT);
- 3.2. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 (Tờ trình số 02-2020/TTr-HĐQT);
- 3.3. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2020 (Tờ trình số 03-2020/TTr-HĐQT)
- 3.4. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020 (Tờ trình 04-2020/TTr-HĐQT).
- 3.5. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Tờ trình số 05-2020/TTr-HĐQT).

5. Thảo luận tại Đại hội:

- Các cổ đông không có ý kiến.
- Chủ tịch HĐQT cảm ơn toàn thể Đại hội đồng cổ đông đã tin tưởng và chấp thuận mọi Báo cáo, kế hoạch, đề xuất và kiến nghị của Hội đồng Quản trị.
- Chủ tịch HĐQT nêu rõ dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn, bất lợi nào, Tổng Giám đốc cũng cần có những giải pháp tìm kiếm những điểm sáng, cơ hội mà thị trường mang lại. Chủ tịch đánh giá cao những nỗ lực, quyết tâm, nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc, CBNV SHS trong năm 2019. HĐQT đang triển khai những bước mạnh mẽ để đảm bảo mục tiêu cơ cấu mạnh mẽ SHS, đầu tư công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, phát huy những lợi thế của SHS để trong những năm tới đưa SHS bứt phá, tăng tốc, dẫn đầu, trở thành CTCK dẫn đầu trong ngành chứng khoán Việt Nam và khu vực.

Tại thời điểm 15 giờ 32 phút Đại hội biểu quyết thông qua các vấn đề, Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Vũ Đức Trung (TV Ban Kiểm soát) báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 như sau:

Số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 234 cổ đông, đại diện cho **148.198.909** cổ phần, chiếm **71,5%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (**207.268.201** cổ phần), trong đó:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp là 94 cổ đông, đại diện cho 17.485.113 cổ phần, chiếm 8,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;



- Số cổ đông ủy quyền là 140 cổ đông, đại diện cho 130.713.796 cổ phần, chiếm 63,07% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

H. Nghi quyết của Đại hội đồng cổ đông

Sau khi xem xét các Báo cáo, Tờ trình và thảo luận, cho ý kiến về các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XIII) của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

- 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020** với 147.799.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, 0 cổ phần không tán thành, 29.350 cổ phần không có ý kiến, tương đương 0,02% tổng số cổ phần.
- 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019** do Tổng Giám đốc báo cáo với 147.799.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, 0 cổ phần không tán thành, 29.350 cổ phần không có ý kiến, tương đương 0,02% tổng số cổ phần.
- 3. Thông qua Kế hoạch hoạt động Kinh doanh năm 2020** do Tổng Giám đốc báo cáo với 147.799.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, 0 cổ phần không tán thành, 29.350 cổ phần không có ý kiến, tương đương 0,02% tổng số cổ phần.
- 4. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán** của Công ty với 147.799.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, 0 cổ phần không tán thành, 29.350 cổ phần không có ý kiến, tương đương 0,02% tổng số cổ phần.
- 5. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020** với 147.799.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, 0 cổ phần không tán thành, 29.350 cổ phần không có ý kiến, tương đương 0,02% tổng số cổ phần.
- 6. Thông qua Quyết định số 32-2019/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2019 và Quyết định số 01-2020/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2020 của Hội đồng Quản trị về việc thay đổi Thành viên Hội đồng Quản trị** (theo nội dung Tờ trình số 01-2020/TTr-HĐQT) với 147.798.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, 0 cổ phần không tán thành, 30.350 cổ phần không có ý kiến, tương đương 0,02% tổng số cổ phần.
- 7. Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ** theo nội dung Tờ trình số 02-2020/TTr-HĐQT với 147.714.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,67% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, 0 cổ phần không tán thành, 114.350 cổ phần không có ý kiến (0,08%).

8. **Thông qua Báo cáo về việc chi Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch chi Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 (theo nội dung Tờ trình số 03-2020/TTr-HĐQT với 147.714.727 cổ phần tán thành, tương đương 99,67% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, 0 cổ phần không tán thành, 116.725 cổ phần không có ý kiến (0,08%).**
9. **Thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020** theo nội dung Tờ trình số 04-2020/TTr-HĐQT với 147.798.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, 0 cổ phần không tán thành, 30.350 cổ phần không có ý kiến (0,02%).
10. **Thông qua sửa đổi Điều lệ và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty** theo nội dung Tờ trình số 05-2020/TTr-HĐQT với 147.798.102 cổ phần tán thành, tương đương 99,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, 0 cổ phần không tán thành, 30.350 cổ phần không có ý kiến (0,02%).


I. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (Phiên họp thường niên lần thứ XIII) kết thúc vào hồi 16h20 cùng ngày.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Biên bản gồm 07 trang, được lập thành 06 bản, gửi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 01 bản, 02 bản gửi Sở GDCK Hà Nội, 01 bản gửi Sở GDCK TPHCM, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XIII) tại Văn phòng HĐQT 01 bản, lưu Ban Thư ký 01 bản.

Hội đồng Quản trị và Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT căn cứ các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua tại Biên bản họp ĐHĐCĐ phiên họp thường niên 2020 để triển khai các vấn đề được thông qua tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ SHS.

Nghị quyết, các Báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là một phần không tách rời của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XIII) được lập thành văn bản công bố toàn văn trên website của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (www.shs.com.vn) để thông báo đến toàn thể cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật. 



BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

T T	NỘI DUNG	ĐỒNG Ý		KHÔNG ĐỒNG Ý		KHÔNG Ý KIẾN	
		Số cổ đông	Tỷ lệ %	Số cổ đông	Tỷ lệ %	Số cổ đông	Tỷ lệ %
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020	147.799.102	99,73%	0	0	29.350	0,02%
2	Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019 do Tổng Giám đốc báo cáo	147.799.102	99,73%	0	0	29.350	0,02%
3	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Tổng Giám đốc báo cáo	147.799.102	99,73%	0	0	29.350	0,02%
4	Báo cáo Tài chính năm 2019 đã kiểm toán	147.799.102	99,73%	0	0	29.350	0,02%
5	Báo cáo của Ban Kiểm soát	147.799.102	99,73%	0	0	29.350	0,02%
6	Thay đổi Thành viên HĐQT (theo nội dung Tờ trình số 01-2020/TTr-HĐQT);	147.798.102	99,73%	0	0	30.350	0,02%
7	Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 (theo nội dung Tờ trình số 02-2020/TTr-HĐQT);	147.714.102	99,67%	0	0	114.350	0,08%
8	Báo cáo chi thù lao HĐQT và BKS năm tài chính 2019 và Quỹ thù lao cho năm Tài chính 2020 (theo nội dung Tờ trình số 03-2020/TTr-HĐQT)	147.711.727	99,67%	0	0	116.725	0,08%
9	Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020 (theo nội dung Tờ trình 04-2020/TTr-HĐQT).	147.798.102	99,73%	0	0	30.350	0,02%
10	Phương án sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Tờ trình số 05-2020/TTr-HĐQT).	147.798.102	99,73%	0	0	30.350	0,02%

Ghi chú: Số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự: 234 cổ đông, đại diện cho 148.198.909 cổ phần, chiếm 71,50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (207.268.201 cổ phần).

ĐOÀN CHỦ TỊCH

Ông Vũ Đức Tiến



Ông Đỗ Quang Hiến

Ông Lê Đăng Khoa

Ông Mai Xuân Sơn

Bà Nguyễn Diệu Trinh

BAN THƯ KÝ

Bà Doãn T. Như Quỳnh

Trưởng ban

Ông Triệu Tuyên

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Khách hàng và Cán bộ nhân viên Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội!

Trước hết cho chúng tôi được gửi tới những Cổ đông, những Nhà Đầu tư, những khách hàng, cán bộ nhân viên đã lựa chọn SHS để gửi lời cảm ơn và chia sẻ chân thành nhất vì chúng ta đã cùng nhau trải qua một năm 2019 và gần nửa năm 2020 đầy sóng gió, cam go, nhiều thách thức đi kèm cơ hội vô cùng lớn, để hôm nay mới được cùng nhau nhìn nhận đánh giá lại hoạt động của SHS năm 2019 và xây dựng định hướng hoạt động cho năm 2020.

Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và các thành viên;

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC HĐQT

1. Cơ cấu HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty có 05 Thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 03 Thành viên HĐQT và 01 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Tại phiên họp thường niên 2019 ngày 23/04/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Quyết định số 14-2019/QĐ-HĐQT về việc thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Hưng theo nguyện vọng cá nhân và bổ nhiệm ông Mai Anh Chính thay thế giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị SHS nhiệm kỳ 2017-2022 kể từ ngày 11/04/2019.

Tại phiên họp thường kỳ quý IV/2019 ngày 11/11/2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Mai Anh Chính theo nguyện vọng cá nhân, ông Mai Anh Chính thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT SHS kể từ ngày 15/11/2019 theo Quyết định số 32-2019/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2019.

2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT thành lập các Tiểu ban và phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên HĐQT như sau:

a. Hoạt động của các Tiểu ban

T T	Tiểu ban	Thành viên HĐQT phụ trách	Trách nhiệm
1.	Quản trị chung Chính sách phát triển	Ông Đỗ Quang Hiển - CT HĐQT	-Nghiên cứu tình hình kinh tế vĩ mô và sự thay đổi của các chính sách pháp luật -Đề ra phương án, giải pháp phát triển hoạt động, kinh doanh của Công ty;

			<p>- Triệu tập 9 phiên họp HĐQT trong năm 2019 để thảo luận và thông qua các quyết định/ngợi quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền</p> <p>- Giám sát việc tuân thủ pháp luật và việc thực hiện kế hoạch hoạt động, kinh doanh do ĐHĐCĐ đã thông qua</p>
2.	Nhân sự và lương thưởng Quản trị hệ thống	Ông Vũ Đức Tiến – TV HĐQT	<p>Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến nhân sự, lương, thưởng</p> <p>- Nghiên cứu và đề xuất với HĐQT các giải pháp liên quan đến vấn đề nhân sự, lương, thưởng trong toàn Công ty</p>
3.	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	Ông Mai Xuân Sơn - TV HĐQT	<p>- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ</p> <p>- Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động, báo cáo của Bộ phận Quản trị rủi ro và Bộ phận Kiểm toán nội bộ</p> <p>- Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ</p>
4.	Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	Ông Lê Đăng Khoa - TV HĐQT Ông Mai Anh Chính – Thành viên HĐQT – từ 11/4/2019- 14/11/2019)	<p>- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy chế, quy định về Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ</p> <p>- Trực tiếp giám sát, quản lý các hoạt động, thẩm định báo cáo của Bộ phận Kế toán và Kiểm soát nội bộ</p> <p>- Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ</p>

b. Các cuộc họp của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban trong năm 2019 như sau:

TT	Tiểu ban	Số lượng	Nội dung họp	Kết quả họp
1.	Quản trị chung	06	<p>Xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt và triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p> <p>Xây dựng và triển khai hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc, xác định vai trò và giới hạn thẩm quyền của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và đối với Ban Tổng Giám đốc.</p>	<p>Xây dựng và triển khai chiến lược cụ thể và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh, chủ động khai thác cơ hội, phát huy được lợi thế doanh nghiệp để giành vị thế cao trên thị trường và đạt hiệu quả kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đề ra;</p> <p>Kiểm soát và chỉ đạo, hỗ trợ Ban TGD trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động của SHS, ứng phó phù hợp với</p>
2.	Chính sách phát triển	05	Xây dựng và triển khai chính sách phát triển các hoạt động kinh	

			doanh của Công ty, tập trung vào hoạt động môi giới, nguồn vốn, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành; trên cơ sở khai thác thế mạnh của Công ty và lợi thế từ chính sách kinh tế vĩ mô và xu hướng đi lên của Thị trường Chứng khoán.	diễn biến bất thường và tác động bất ngờ, kéo dài và quy mô lớn của dịch bệnh Covid19
3.	Nhân sự, lương thưởng và Quản trị hệ thống	04	Rà soát chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đào tạo của Công ty để điều chỉnh và hoàn thiện nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người. Xem xét tăng, giảm quy mô tuyển dụng và đào tạo ở một số vị trí để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và hiệu quả.	Đảm bảo được đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và phù hợp với định hướng phát triển của SHS; khai thác được lợi thế con người, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận do một cán bộ, nhân viên SHS tạo ra trung bình lớn hơn hoặc ngang với các công ty chứng khoán hàng đầu.
4.	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	05	Xây dựng, điều chỉnh và triển khai định kỳ và bất thường kế hoạch quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của SHS; Đánh giá sự phù hợp và tuân thủ chính sách, khẩu vị, hạn mức rủi ro.	Định kỳ và bất thường kiểm tra, theo dõi và xử lý 5 loại rủi ro trọng yếu theo quy định của UBCKNN, đảm bảo toàn hệ thống hoạt động tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính và hiệu quả bền vững.
5.	Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	04	Kiểm tra tính tuân thủ, phù hợp của hệ thống kế toán tài chính và các báo cáo tài chính do Ban Tổng Giám đốc, đơn vị kiểm toán lập. Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ để hệ thống tuân thủ pháp luật và vận hành đồng bộ, quy chuẩn.	Đảm bảo các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các quy định pháp luật và công bố kịp thời, minh bạch. Đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty đều có quy định hướng dẫn đầy đủ, chi tiết, rõ ràng và khả thi.

c. Đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

Các tiểu ban thuộc HĐQT đã làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, định hướng, tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc nhưng không can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như hoạt động của từng phòng ban. Ban Tổng Giám đốc được chủ động phát huy vai trò người điều hành và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty. Thông qua hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT, các vấn đề trọng yếu của Công ty phát sinh trong từng lĩnh vực được bàn bạc, trao đổi và thống nhất hướng giải quyết. Các tiểu ban thuộc HĐQT cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn cho HĐQT ban hành các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

3. Văn phòng HĐQT và Bộ phận Kiểm toán nội bộ

Văn phòng HĐQT và Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT là bộ phận hỗ trợ hoạt động của ĐHCĐ, HĐQT, BKS và Ban TGD.

TT	Bộ phận	Trách nhiệm
1.	Văn phòng HĐQT	<ul style="list-style-type: none">- Là ban thư ký, cố vấn cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ về hành chính, nhân sự, thư ký, pháp chế cho ĐHCĐ và HĐQT;- Thư ký Công ty.- Thư ký HĐQT: Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc tổ chức ĐHCĐ, công tác của HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc- Quản lý cổ đông: Quản lý thông tin, dữ liệu Công ty và hỗ trợ cổ đông thực hiện các quyền của cổ đông;- Tư vấn thủ tục Pháp lý, Soạn thảo và xây dựng hệ thống lưu trữ các văn bản, quy chế, quy trình, báo cáo...- Quản lý tài sản, Hồ sơ thuộc ĐHCĐ, HĐQT, BKS, KTNB và VPHĐQT.
2.	Bộ phận Kiểm toán nội bộ	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty- Kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại, rủi ro và nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

HĐQT đã thực hiện tất cả 9 cuộc họp và nhiều phiên họp với Ban TGD, tập trung vào các công việc như sau:

1. Định hướng hoạt động của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT tập trung vào việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động của HĐQT năm 2019 và triển khai hoạt động của năm 2020 theo định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và theo kế hoạch hoạt động, kinh doanh năm 2020 được ĐHCĐ phê duyệt; tập trung phân công công việc cho các thành viên và triển khai thực hiện hiệu quả,

HĐQT tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019 sát với thực tế tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô, biến động ngành nghề và đặt mục tiêu khai thác tối đa lợi thế, cơ hội, duy trì nhịp độ tăng trưởng của năm 2019 Trong năm 2019, HĐQT và Ban TGD Công ty tập trung triển khai giám sát và định hướng phát triển toàn diện các hoạt động kinh doanh của SHS, tăng cường quản trị rủi ro.

Phát triển hoạt động đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp và phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp để tăng lợi thế vốn, tăng lợi thế an toàn tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phát triển hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp/thoái vốn/chào bán cổ phần/niêm yết cổ phiếu, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động tự doanh.

Hội đồng Quản trị đã triển khai 9 cuộc họp để thảo luận và thông qua nhiều vấn đề định hướng chiến lược của Công ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT như hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và sử dụng nguồn vốn huy động hiệu quả, đúng kế hoạch được ĐHCĐ thông qua; trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, mở rộng ngành nghề kinh doanh chứng khoán

phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm, phát hành cổ phiếu, phát hành Trái phiếu, đầu tư Trái phiếu, cổ phiếu, phương án vay vốn, các nội dung trình ĐHCĐ thường niên thông qua và Phương án triển khai thực hiện cụ thể sau đó.

2. Thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHCĐ thường niên và bất thường

HDQT đã thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHCĐ thường niên 2019 Báo cáo về hoạt động của SHS sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ và ESOP; kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019; lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2020; quỹ thù lao HDQT, BKS năm 2020; kế hoạch triển khai hoạt động liên quan đến chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm ...

3. Chỉ đạo, giám sát và định hướng toàn diện các mặt HĐKD của Công ty

HDQT tiếp tục nhận thấy năm 2019-2020 là một năm có rất nhiều nguy cơ và rủi ro từ các biến động thị trường và kinh tế thế giới, đặc biệt còn có ảnh hưởng dài hạn, bất ngờ và quy mô sâu rộng của dịch bệnh Covid19, nhưng cũng là năm có nhiều cơ hội lớn để SHS tăng tốc, bứt phá và mở rộng nguồn vốn kinh doanh trên bối cảnh thuận lợi của kinh tế vĩ mô, chính trị và thị trường chứng khoán. Do đó, vai trò định hướng chỉ đạo, quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn và bền vững nguồn tài chính vẫn là nhiệm vụ chính của HDQT, giai đoạn này còn phải tăng cường sát sao cùng BDH nhiều hơn nữa.

HDQT tăng cường giám sát hoạt động dịch vụ tài chính, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp, quản trị rủi ro, cơ cấu danh mục....

Đồng thời cần theo dõi chặt chẽ chiến lược đầu tư, danh mục cổ phiếu, biến động thị trường và chính sách vĩ mô để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Phòng Đầu tư và Phòng Nguồn vốn triển khai thực hiện. Ngoài ra, HDQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc phải tiếp tục chú trọng giữ vững thị phần môi giới trong top đầu song song với việc đảm bảo an toàn nguồn vốn của Nhà đầu tư và của Công ty, phát triển sản phẩm môi giới và dịch vụ tài chính đa dạng đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề lương thưởng, các vấn đề về cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của HDQT

HDQT xem xét và phê duyệt hạn mức, danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và trái phiếu theo định kỳ và giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Phòng Đầu tư triển khai đầu tư theo xu hướng thị trường và môi trường kinh doanh đồng thời quản trị rủi ro và tuân thủ Quy chế Đầu tư của Công ty, kế hoạch được ĐHCĐ phê chuẩn và các quy định pháp luật.

HDQT xem xét thông qua việc xây dựng chính sách quản lý nhân sự, Chính sách lương, thưởng của Công ty theo hệ thống quản trị mới, áp dụng KPI và theo định kỳ 6 tháng/lần; xem xét việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, lương và các quyền lợi liên quan của các nhân sự thuộc thẩm quyền HDQT tuyển dụng, bổ nhiệm và quản lý, trên cơ sở định hướng phát triển đội ngũ nhân sự của Công ty, ngân sách do ĐHCĐ phê chuẩn, Quy chế Tiền lương Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

5. Thẩm định và phê duyệt các đề xuất kinh doanh khác của Ban Tổng Giám đốc

HDQT đã ban hành 02 Nghị quyết, 36 Quyết định, ký phê duyệt 40 Tờ trình của Ban TGD liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban TGD triển khai nhiệm vụ.

6. Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HDQT chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo quy định của

pháp luật và Điều lệ Công ty đồng thời xem xét báo cáo của Bộ phận kiểm toán nội bộ và ý kiến của Ban kiểm soát để tăng cường hiệu quả công tác chỉ đạo, định hướng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo an toàn tài chính, hệ thống quản trị bền vững và tuân thủ pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Về việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục coi trọng việc tuân thủ nghiêm túc các thông lệ tốt nhất về quản trị Công ty cũng như các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị Công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Thông tư số 95/2017/TT-BTC, Thông tư 121/2012/TT-BTC...

Công ty đã sửa đổi, ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, Điều lệ Công ty, các văn bản, quy định khác trong công ty theo quy chuẩn được pháp luật thông qua và phù hợp với hoạt động thực tiễn của Công ty.

Công ty cũng chủ động đánh giá hoạt động doanh nghiệp theo quy chế Camel được ban hành kèm theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 9/10/2013 của UBCKNN và tự đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty dựa trên Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN nhằm thực hiện các mục tiêu:

- Tìm phương hướng cải thiện, nâng cao thực tiễn hoạt động quản trị Công ty
- Nhà đầu tư có thể đánh giá tình hình quản trị Công ty của SHS để có cái nhìn tổng quát về tình hình quản trị Công ty của SHS
- Nâng cao nhận thức và hiểu biết chung về thông lệ quản trị Công ty tốt nhất.

Công ty đã cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, thảo luận về quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, đóng góp ý kiến, kiến nghị và tham gia tìm hiểu về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về chế độ lương thưởng, bảo hiểm xã hội, an toàn tài chính, an toàn lao động và trật tự xã hội....

2. Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

Năm 2019 là năm có nhiều thách thức và khó khăn là vô cùng lớn đối với hoạt động của công ty với tư cách đồng thời vừa là một công ty chứng khoán vừa là một doanh nghiệp đại chúng đã niêm yết. Chúng ta đã cùng chứng kiến thị trường chứng khoán Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ những diễn biến phức tạp, đa chiều của bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước. VN-Index có những thời điểm vượt mức 1.000 điểm và đạt đỉnh 1024,91 điểm vào ngày 6/11

Mức vốn hóa của thị trường cổ phiếu tính đến ngày 6/12/2019 đạt 4383 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cuối năm 2018 (tương đương 79,2% GDP).

Quy mô niêm yết của thị trường trái phiếu đạt 1.184 nghìn tỷ đồng, tăng 5,6% so với cuối năm 2018 (tương đương với 21,4% GDP). Tổng giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 9.139 tỷ đồng, tăng 3,4% so với bình quân năm 2018, tăng tỷ trọng giao dịch repo, Tăng quy mô thị trường TPDN. TTCK đã và đang từng bước trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, với định hướng phát triển bền vững, tầm nhìn dài hạn coi mỗi thử thách đều đem đến một cơ hội, Công ty cùng Quý vị Nhà đầu tư và Cổ đông cũng được chứng kiến những chuyển biến tích cực chưa từng có trên TTCK, đem lại những cơ hội lớn cho Quý vị và cho chính Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội:

- ✓ **Cơ hội gia tăng thị phần, mở rộng thị trường, tăng giá trị danh mục chứng khoán đầu tư:**
 - Thanh khoản thị trường bình quân đạt 177,84 triệu chứng khoán, tương ứng với giá trị bình quân phiên đạt 4.808 tỷ đồng/ngày, thanh khoản đã có sự suy giảm về khối lượng và về giá trị nhưng Thực trạng này kỳ vọng sẽ được cải thiện khi năm 2020, hệ thống công nghệ mới của TTCK sẽ chính thức được vận hành, việc đồng bộ hóa nền tảng công nghệ mới từ cấp Sở, lưu ký, các thành viên sẽ cải thiện hiệu quả giao dịch và cho phép phát triển nhiều sản phẩm, dịch vụ mới theo thông lệ quốc tế.
 - Dòng vốn ngoại tiếp tục đổ mạnh vào thị trường với sự dịch chuyển tập trung thông qua các thương vụ mua cổ phần lớn. Trên TTCK niêm yết, dòng vốn ngoại mua ròng tính đến 19/12 đạt 2.599 tỷ đồng, với 4.379 tỷ đồng mua ròng tại HOSE và 1.780 tỷ đồng bán ròng trên sàn HNX. Sau những thương vụ bán vốn nhà nước thành công trong 3 năm trở lại đây, mà SCIC với vai trò cổ đông lớn, đã tạo dựng nên những dấu ấn quan trọng và kinh nghiệm quý cho việc thực hiện những thương vụ bán vốn nhà nước thành công sau này.
 - Mức vốn hóa của thị trường cổ phiếu tính đến ngày 6/12/2019 đạt 4383 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cuối năm 2018 (tương đương 79,2% GDP), với rất nhiều thương vụ phát hành, CPH, thoái vốn nhà nước quy mô lớn ghi dấu ấn giá trị tỷ USD.
 - Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng được tổ chức FTSE Russell đưa vào danh sách theo dõi để nâng hạng, cần thiết có những sự cải thiện cần thiết để thỏa mãn tiêu chí đảm bảo thanh toán bù trừ, đạt đến tiêu chuẩn quốc tế.
 - TTCK phát sinh tiếp tục bùng nổ sau hai năm vận hành với mức giao dịch quy mô lớn, gia tăng mạnh mẽ số lượng tài khoản giao dịch trong bối cảnh còn rất nhiều việc phải hoàn thiện, rất ít công ty chứng khoán triển khai.
 - Thông tư số 128/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam) được ban hành, trong đó chỉ quy định mức trần giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm là 0,5% giá trị giao dịch, mà không còn quy định về mức sàn 0,15% như quy định cũ tạo điều kiện cho SHS và nhiều công ty chứng khoán lập tức triển khai chương trình giảm phí giao dịch và gia tăng giá trị thặng dư khác nhằm thu hút nhà đầu tư nhờ tiềm lực về nguồn vốn, nhân sự, công nghệ...
 - Trong năm 2019 chỉ có 13 doanh nghiệp nhà nước thoái vốn và dự báo hoạt động thoái vốn và cổ phần hóa có thể sôi động trở lại trong năm 2020 là động lực để SHS tiếp tục tham gia thị trường với tư cách Nhà tư vấn Tài chính và Bảo lãnh phát hành nhiều kinh nghiệm và uy tín.
 - Hiện có 748 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch và 826 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Upcom với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt gần 1.385 tỷ đồng, tăng 14,8% so với năm 2018.
- ✓ Cơ hội chuẩn hóa chất lượng quản trị, công bố thông tin theo hướng tiếp cận với thông lệ quốc tế... Luật Chứng khoán sửa đổi chính thức được Quốc hội thông qua với nhiều điểm mới, mở rộng không gian đầu tư cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;
- ✓ Cơ hội khai thác, phát triển hoạt động kinh doanh, đầu tư, tư vấn phát hành Trái phiếu doanh nghiệp khi khung pháp lý cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp - nền tảng pháp lý cao nhất định hình nền tảng thị trường TPDN Việt Nam được Chính phủ chính thức quy định.
- ✓ Cơ hội phát triển đổi mới, thay đổi toàn diện, gia tăng lợi thế cạnh tranh khi công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2000 tỷ đồng.

- ✓ Cơ hội tham gia vào thị trường chứng khoán như một thành viên năng động, mạnh mẽ, nhiều lợi thế cạnh tranh khi chính phủ triển khai tổng thể Đề án "Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025" với mục tiêu quy mô thị trường cổ phiếu, quy mô thị trường trái phiếu, Số lượng công ty niêm yết và Số lượng nhà đầu tư trên thị trường tăng mạnh; Nâng cao, cải thiện chất lượng quản trị công
- ✓ HĐQT đã chỉ đạo SHS tiếp tục triển khai công cuộc thay đổi toàn diện, làm mới tổ chức cả lượng và chất trên cơ sở nguồn lực sẵn có và giảm thiểu những hạn chế, khai thác nhiều cơ hội để phát triển các hoạt động Môi giới, Dịch vụ tài chính, Đầu tư và Tư vấn của Công ty.

3. Việc triển khai KHKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

- Trong bối cảnh hết sức phức tạp của năm 2019, nhờ đánh giá đúng tình hình, phản ứng linh hoạt cùng với sự nỗ lực của toàn thể CBNV, SHS đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan.
- Cụ thể tổng doanh thu 2019 đạt 1.072,4 tỷ đồng, chỉ giảm 14% so với thực hiện năm 2018 và tương đương 83,07% kế hoạch năm. Tổng chi phí là 760,4 tỷ đồng, tương đương 87,3% kế hoạch trong đó chi phí kinh doanh là 693,8 tỷ đồng và chi phí quản lý là 66,6 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của SHS là 312 tỷ đồng, tương đương 74,2% kế hoạch. Lãi trên vốn cổ phần (EPS) đạt 1.359 đồng, lãi trên tổng tài sản bình quân (ROAA) đạt 4,65%, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt 11,2%, lãi sau thuế trên doanh thu đạt 23,7%.
- Kết quả này theo tương đối khả quan bởi thị trường trong năm qua không được như kỳ vọng, nhiều mã cổ phiếu bluechips giảm giá trong khi phần nhiều số tăng giá lại là các công ty midcap và penny không phù hợp với các tổ chức, công ty chịu áp lực cạnh tranh mạnh từ các công ty khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	% so với KH
I	Tổng doanh thu	1.291	1.072,4	83,07%
II	Tổng chi phí	870,7	760,4	87,30%
III	Lợi nhuận kế toán trước thuế	420,3	312	74,23%

- Trong cơ cấu doanh thu, hoạt động Môi giới (gồm cả lưu ký) đạt 142,6 tỷ đồng, chiếm 13,3% và thực hiện được 58,2% kế hoạch. Lãi từ cho vay và phải thu đạt 425,5 tỷ đồng, chiếm 39,7% và tăng 13,4%, hoạt động Đầu tư ghi nhận 325,3 tỷ đồng, chiếm 30,3% và giảm 32,8%, hoạt động Tư vấn ghi nhận 169,4 tỷ đồng, tăng 43,4% trong đó tư vấn tài chính & bảo lãnh phát hành là 135,3 tỷ đồng, tư vấn đầu tư là 34,1 tỷ đồng.
- Chi phí hoạt động kinh doanh của SHS trong năm 2019 là 693,8 tỷ đồng, giảm 11,5% so với 2018 tương đương 85,4% so với kế hoạch. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 là 66,6 tỷ đồng, tương đương 106% so với kế hoạch.
- Đối chiếu với các mục tiêu phương hướng hành động đề ra từ đầu năm, Công ty đã đạt được những kết quả và còn một số việc chưa đạt như sau:

Kết quả đạt được:

- Trong bối cảnh thị trường 2019, mảng kinh doanh sản phẩm Fixed Income của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng mạnh đóng góp vào kết quả chung của Công ty;

- Hoạt động tư vấn chuyển dịch dần doanh thu sang tư vấn chuyên sâu đặc biệt là tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, qua đó hoàn thành vượt kế hoạch năm;
- Hoạt động MG&DVTC ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong bối cảnh gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn trong năm 2019;
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ của Công ty lên trên 2.000 tỷ đồng;
- Cổ phiếu SHS là một trong những cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất tại Sở GDCK Hà Nội, được dòng tiền của Nhà đầu tư ưa chuộng, hiện nay đang ở trong trạng thái tăng giá theo xu hướng hồi phục chung của TTCK Việt Nam, nhiều phiên giao dịch tích cực, thanh khoản cao và đã đóng cửa ở mức giá trần, Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực dài hạn và nhiều tiềm năng tăng trưởng mới.

Những việc chưa đạt:

- Chưa hoàn thành được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà ĐHCĐ thông qua từ đầu năm;
- Công tác đào tạo, nâng cao năng lực CBNV cần được chú trọng hơn nữa;
- Việc xây dựng và triển khai hệ thống chứng khoán phái sinh chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra;
- Việc xây dựng cơ chế giao và đánh giá hiệu quả công việc theo KPI đang bị chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra;
- Các giải pháp về phát triển nền tảng công nghệ để bắt kịp xu hướng của cuộc cách mạng 4.0 chưa được triển khai quyết liệt;

4. Việc hoàn thiện hệ thống và quản trị rủi ro

- Hoạt động của khối vận hành tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát và kiểm toán nội bộ. Công ty chú trọng việc hoàn chỉnh hệ thống quy trình, quy chế nội bộ, bao gồm Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy chế Đầu tư, hệ thống quy trình triển khai các hoạt động kinh doanh và kiểm soát dựa trên những thay đổi của Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công ty cũng đang xây dựng mới các quy trình liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, xây dựng mới cơ chế đãi ngộ và đào tạo mang tính cạnh tranh hơn để thu hút nhân lực có trình độ và kinh nghiệm chuyên môn cao.
- Công ty đã có những đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của Thị trường Chứng khoán Việt nam nói chung và thị trường vốn nói riêng thông qua các hoạt động môi giới, tự doanh, nguồn vốn, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành.
- Công ty chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội trong điều kiện làm việc hàng ngày cũng như tham gia vào các hoạt động điển hình của cộng đồng. Công ty và cán bộ nhân viên tiếp tục triển khai các hoạt động thiện nguyện, quyên góp tiền và quần áo, đồ dùng, vật chất hỗ trợ các đối tượng khó khăn tại các bệnh viện, cơ sở thiện tâm, những nơi vùng sâu, vùng xa và phát huy tinh thần tương thân tương ái ngay trong Công ty.

5. Việc nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của Doanh nghiệp

Với kết quả khả quan đạt được trong hoạt động kinh doanh và những đóng góp tích cực của Công ty cho TTCKVN và cộng đồng nói chung nên trong năm 2019, SHS tiếp tục được các tổ chức vinh danh và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý, điển hình như:

- Được Sở GDCK Hà Nội (HNX), Sở GDCK Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung tâm lưu ký (VSD) vinh danh là CTCK tiêu biểu, được Tp Hà Nội trao tặng bằng khen Doanh nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Tp Hà Nội năm 2019.
- SHS cũng được Báo Diễn đàn doanh nghiệp và Hội Kế toán và Kiểm toán Việt nam trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp 3 năm liên tiếp đạt chỉ số năng lực tài chính tốt nhất.
- Báo cáo thường niên của SHS nằm trong 10 Báo cáo thường niên tốt nhất do HSX và Báo ĐTCK trao tặng;
- SHS được UBNDTP Hà Nội tôn vinh Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện nghĩa vụ thuế;
- SHS tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng: Ủng hộ Tết vì người nghèo , hướng đến đối tượng gia đình chính sách, hộ gia đình tự quản đường biên giới và trẻ em vượt khó vươn lên trong học tập; Ủng hộ kinh phí và tài trợ trang thiết bị cho nhiều đơn vị ban ngành trong phòng chống Dịch Covid19....
- Đối với các hoạt động phong trào, SHS đã tham gia và đoạt chức vô địch Giải bóng đá Chứng khoán miền Bắc 2019, phát triển mạnh mẽ Đội bóng đá Nam, Đội bóng đá Nữ, Đội Thể thao vì sức khỏe (Chạy bộ, Yoga, Khiêu vũ Thể thao...), Đội Tennis.....

6. Các tồn tại điển hình cần khắc phục:

- Công ty cần không ngừng nâng cấp số lượng và chất lượng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch và quản trị rủi ro.

7. Về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Hội đồng Quản trị Công ty ghi nhận những nỗ lực to lớn của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản trị Công ty; tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác; thu xếp nguồn vốn, phát triển sản phẩm và cơ cấu danh mục đầu tư mang lại hiệu quả tích cực cho Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc duy trì hoạt động thống nhất và đoàn kết, phân công, giao việc khoa học và hiệu quả, các thành viên làm việc đa nhiệm và linh hoạt, quyết đoán và chuyên nghiệp trong việc xử lý và tìm giải pháp cho các hoạt động kinh doanh của Công ty ;
- Ban Tổng Giám đốc đã phát huy vai trò truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty, phát huy tính sáng tạo và chủ động trong công việc, không ngừng học hỏi kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và tiếp cận thị trường, khách hàng, huy động nhiều nguồn lực để bộ máy Công ty vận hành hiệu quả. Chính nhờ những nỗ lực trên của Ban Tổng Giám đốc, Công ty tiếp tục hoạt động hiệu quả, SHS tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu và là thương hiệu có uy tín trên Thị trường chứng khoán Việt Nam. Năm 2019 cũng là năm thứ hai ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc và bứt phá mạnh mẽ của Công ty kể từ khi thành lập.
- HĐQT đã ban hành quyết định khen thưởng cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc và CBNV Công ty vì đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của SHS trong năm 2019
- HĐQT, TGD đã có khen thưởng bằng nhiều hình thức bao gồm hiện vật và tiền mặt Đội bóng đá nam và Đội bóng nữ của SHS, Đội văn nghệ của SHS để khích lệ phong trào hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ của SHS ngày càng phát triển.

IV. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục xu hướng phát triển theo hướng bền vững và từng bước trở thành kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế trong dài hạn và SHS tiếp tục là một chủ thể tự tin, năng động, ấn tượng và chất lượng với tư cách một công ty chứng khoán thành viên và một doanh nghiệp niêm yết.

- 1. SHS đặt mục tiêu “Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng”, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong số những Nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Top 3 công ty chứng khoán có thị phần chứng khoán niêm yết lớn nhất, duy trì vị thế đứng đầu tại HNX, công ty tiếp tục phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả, năng lực tài chính vững mạnh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng và độc đáo.**

2. Định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020:

- Tìm kiếm và khai thác những giải pháp sáng tạo, đột phá trong hoạt động kinh doanh, bứt phá khỏi các hoạt động kinh doanh truyền thống, thị trường truyền thống, sản phẩm truyền thống, khách hàng truyền thống....
- Tiếp tục đầu tư chứng khoán niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục đầu tư thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các tập đoàn, tổng công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng. Bên cạnh đó, hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu được đánh giá sẽ tiếp tục được đẩy mạnh qua đó tạo ra cơ hội lớn cho các hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn và Bảo lãnh phát hành của SHS.
- Triển khai sử dụng hiệu quả nguồn vốn điều lệ mới với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho SHS trong bối cảnh chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác có nguồn vốn và vốn điều lệ dồi dào hơn; đồng thời để đáp ứng những yêu cầu mới về vốn kinh doanh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới.
- Triển khai phương án kinh doanh chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, các hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới khai thác phát triển sản phẩm trái phiếu;
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp để giữ vững và gia tăng thị phần trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp liên quan đến kiểm soát chi phí hoạt động và chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS trong bối cảnh quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều quy định mới sẽ có những tác động đến chi phí hoạt động, chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS và ảnh hưởng đến khả năng linh hoạt trong công tác quản trị, điều hành của SHS.
- Hoàn thiện triển khai các giải pháp đối phó với những thách thức tiềm ẩn, đảm bảo hoạt động của Công ty linh hoạt, nhanh nhạy, nắm bắt được tốt cơ hội.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp gia tăng lợi thế cạnh tranh của SHS thông qua đổi mới, phát triển chất lượng dịch vụ, tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ, duy trì và nâng cao thị phần, hình ảnh; đầu tư nghiên cứu áp dụng công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh và quản trị công ty nếu thấy phù hợp...

3. Định hướng hoạt động của HĐQT

- HĐQT ưu tiên mạnh mẽ hoạt động tái cấu trúc danh mục đầu tư, xử lý nợ xấu và loại bỏ những cổ phiếu/cổ phần của các doanh nghiệp yếu kém, hướng hoạt động đầu tư đến các doanh nghiệp tăng trưởng dài hạn, hoạt động kinh doanh tài chính lành mạnh, minh bạch.
- HĐQT sẽ thành lập Ban Nghiên cứu chiến lược phát triển với việc thuê đơn vị tư vấn nước ngoài để tái cấu trúc, cải tổ SHS, xây dựng tầm nhìn hoạt động của SHS trong 3 năm, 10 năm, 15 năm, tập trung 2 mục tiêu: Giai đoạn 1: Phát triển kinh doanh và Giai đoạn 2: Phát triển công nghệ.
- HĐQT vẫn ưu tiên đồng thời xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông.
- HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT và các Tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường và hoạt động của Công ty.
- Các Tiểu ban thuộc HĐQT chủ động tăng cường các hoạt động; cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HĐQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất giải pháp và hướng xử lý kịp thời.
- HĐQT cam kết hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp để mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.

4. HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính; đảm bảo SHS hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp
- Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm cao với xã hội và cộng đồng.

Hội đồng Quản trị trân trọng báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ĐỖ QUANG HIỂN



Biển cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HANOI SECURITIES J.S.C

Trụ sở: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.3.8181.888 Fax: 024.3.8181.688 Website: www.shs.com.vn

*Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007 và
Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/01/2018*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2019
VÀ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020

Hà Nội
Tháng 6 năm 2020

PHẦN MỘT: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2019**I. TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2019**

- Tiêu điểm của kinh tế thế giới năm 2019 tiếp tục là cuộc chiến thương mại giữa Mỹ- Trung Quốc. Liên tục các cuộc đàm phán giữa hai bên đã diễn ra trong năm 2019 với nhiều thông tin kỳ vọng rồi lại thất vọng xen giữa là các hành vi đe dọa và tăng thuế trả đũa, đưa các công ty của nhau vào danh sách cấm mua bán với chính phủ thậm chí Trung Quốc đã kiện Mỹ ra WTO. Cuối cùng sau 13 vòng đàm phán, từ tháng 9/2019 căng thẳng giữa 2 bên mới có những dấu hiệu hạ nhiệt, hai bên dần miễn thuế cho các mặt hàng và tới 13/12 công bố chính thức đã đạt được thỏa thuận giai đoạn một. Chính hàng rào thuế quan Mỹ và Trung Quốc đặt ra trong cuộc chiến cùng với sự bất định khó đoán trong các chính sách kinh tế của 2 chính phủ đã làm ngưng trệ nền sản xuất và dòng vốn đầu tư dẫn tới thương mại toàn cầu suy giảm mạnh và tác động tới toàn bộ nền kinh tế thế giới. Theo IMF, kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,4% so với mức 2,9% năm 2018, Trung Quốc tăng trưởng 6,1% so với mức 6,6% năm 2018, các khu vực kinh tế chủ chốt khác như kinh tế mới nổi, Châu Âu đều chứng kiến sự giảm tốc, kinh tế toàn cầu do vậy ước tính chỉ tăng trưởng 3% so với mức 3,6% của năm 2018.
- Trên thị trường hàng hóa, năm 2019 tiếp tục là năm hồi phục của giá dầu thế giới mặc dù không đạt được tới mức đỉnh trên 80USD/thùng như trong năm 2018 khi đóng cửa cuối năm quanh mốc 70USD/thùng, tăng 30,3% so với cuối năm 2018. Đối với kim loại quý, với những bất ổn kinh tế trong năm 2019 giá vàng có sự tăng mạnh vượt ra khỏi vùng dao động trong 4 năm gần đây và đóng cửa cuối năm tại mốc 1.514USD/ounce, tăng 18,05%. Các mặt hàng nông sản ngoại trừ đường, đậu tương có diễn biến đi ngang cao su, cà phê, ngô có diễn biến tăng giá nhưng biến động mạnh.
- Trên thị trường tài chính, dưới tác động của cuộc chiến tranh thương mại khiến cho kinh tế tăng trưởng chậm lại FED trong năm 2019 đã có 3 lần hạ lãi suất với tổng cộng 0,75%, đồng thời kéo theo làn sóng hạ lãi suất trên khắp thế giới (theo Central Bank News có 53 quốc gia đã hạ lãi suất trong năm 2019) như Trung Quốc, Ấn Độ, Châu Âu, các quốc gia Đông Nam Á...Bất chấp những dấu hiệu đi xuống của nền kinh tế và những trắc trở trong đàm phán Mỹ - Trung, thị trường chứng khoán toàn cầu có một năm tăng điểm mạnh mẽ trong đó chứng khoán Mỹ liên tục thiết lập các mốc đỉnh cao mới nhờ sự thăng hoa của các cổ phiếu ngành công nghệ, chứng khoán Trung Quốc phục hồi từ vùng đáy 3 năm nhờ các chính sách nới lỏng tiền tệ và đàm phán thương mại có tiến triển. Theo Deutsche Bank các thị trường chứng khoán toàn cầu trong năm 2019 đã tăng thêm 17.000 tỷ USD vốn hóa đạt mốc trên 85.000 tỷ USD. Trên thị trường tiền tệ, các đồng tiền trong năm qua biến động khá mạnh. Trong khi đồng USD chỉ tăng giá nhẹ so với rổ 6 loại tiền tệ chủ chốt khác thì đồng Nhân dân tệ có diễn biến giảm giá mạnh khi NHTW nước này can thiệp để hỗ trợ nền kinh tế, trong năm 2019 đồng tiền này thậm chí có thời điểm đã hạ xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây ở mức 7,1565NDT/1USD.
- Trong nước, kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc khi GDP tăng trưởng năm 7,02%, vượt mục tiêu 6,8%, dù thấp hơn so với năm 2018 nhưng là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng trên mức 7%. Mặc dù ngành nông lâm thủy sản tăng trưởng chậm lại chỉ đạt 2,01% do chịu tác động của biến đổi thời tiết và dịch bệnh thì lĩnh vực công nghiệp đặc biệt là công nghiệp chế tạo vẫn duy trì được đà tăng nhờ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, lĩnh vực dịch vụ cũng đạt được mức tăng cao hơn 2018 nhờ tiêu dùng nội địa và du lịch (lượng khách quốc tế tới Việt Nam năm 2019 đạt mức kỷ lục trên 18 triệu lượt người). Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong năm 2019 tăng 2,79%, thấp nhất trong 3 năm gần đây và thấp hơn so với mục tiêu 4%. Thu hút FDI năm 2019 (không tính phần góp vốn, mua cổ

phần) tiếp tục giảm 12% về số vốn đăng ký với 22.5 tỷ USD tuy nhiên vốn thực hiện tăng 6,7% đạt mốc kỷ lục 20,38 tỷ USD. Bên cạnh đó tổng kim ngạch XNK lần đầu tiên vượt 500 tỷ USD, cán cân thương mại đạt thặng dư năm thứ 4 liên tiếp với 9,9 tỷ USD, cao hơn kỷ lục 7,2 tỷ USD của năm 2018, dòng vốn đầu tư gián tiếp tăng 56,4% (15,5 tỷ USD) giúp cho dự trữ ngoại hối của Việt Nam tiếp tục gia tăng lên mức cao kỷ lục 80 tỷ USD, tương đương với trên 15 tuần nhập khẩu qua đó giúp cho tỷ giá cả năm ổn định chỉ tăng 1,5%. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng nhìn chung dồi dào, lãi suất cho vay ngắn hạn các lĩnh vực ưu tiên được điều chỉnh giảm từ 19/11/2019, tỷ lệ nợ xấu nội bảng tính tới tháng 12/2019 vẫn duy trì ở mức 1,89% như cuối năm 2018.

- Tuy nhiên một số thách thức bao gồm: 1/Quá trình tái cơ cấu DNNN diễn ra chậm khi chỉ có 9 doanh nghiệp cổ phần hóa, 13 doanh nghiệp thực hiện thoái vốn nhà nước; 2/Giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch do vướng về mặt thủ tục;

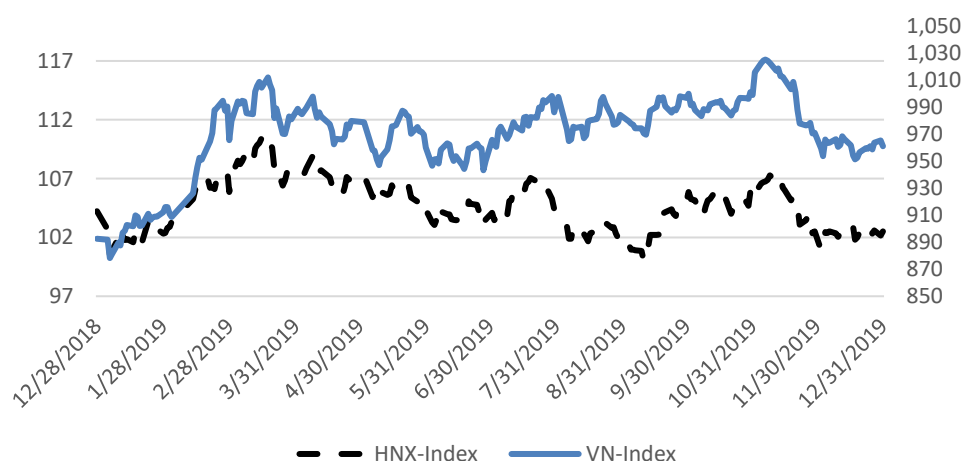
Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2019

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019
Tăng trưởng GDP (%)	6,68	6,21	6,81	7,08	7,02
Tăng CPI bình quân (%)	0,63	2,66	3,53	3,54	2,79
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,29	18,71	18,17	14	13,6
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	21.890	22.159	22.425	22.825	23.155
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	30,3	40	51,5	60	80
Thâm hụt/thặng dư ngân sách so với GDP (%)	-4,28	-4,28	-2,31	0,007	2,62

Nguồn: TCTK, WB, HSBC, NHNN, SHS Research

- Thị trường chứng khoán năm 2019 mặc dù ghi nhận sự tăng trưởng của chỉ số tuy nhiên diễn biến không như kỳ vọng. Sau quãng thời gian tăng khá mạnh trong quý 1, VN-Index có diễn biến tích lũy trong vùng từ 938 điểm - 1.000 điểm suốt 7 tháng sau đó. Đợt tăng điểm đầu tháng 11 mang lại nhiều kỳ vọng với việc chỉ số đã đạt 1.029 điểm nhưng chỉ số lại chứng kiến cú lao dốc tới đầu tháng 12 trước khi bình ổn trở lại. Đóng cửa phiên cuối năm VN-Index đạt 960,99 điểm, tăng 7,67% so với cuối năm 2018, chỉ số HNX-Index cuối năm đóng cửa tại mốc 104,23 điểm, giảm 1,65% so với cuối năm 2018.

Diễn biến Thị trường Chứng khoán 2019



Thanh khoản toàn thị trường (bao gồm cả sàn Upcom) trong năm 2019 giảm 29,5% so với năm 2018, với giá trị giao dịch bình quân đạt 4.630 tỷ/phiên trong đó sàn HNX giảm mạnh tới 48%, sàn HOSE giảm 26,6%. Các nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2019 dù vẫn mua ròng cổ phiếu nhưng giảm mạnh hoạt động giao dịch trên sàn niêm yết (mua ròng 5.976 tỷ đồng, tương đương 258 triệu USD, giảm tới 85,7% so với năm 2018) và chuyển sang mua cổ phần dưới dạng phát hành riêng lẻ giao dịch ngoài sàn. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm cuối năm 2019 đạt 4,3 triệu tỷ đồng, mức cao nhất từ trước tới nay, tương đương với 72,6% GDP.

TTCK phái sinh tiếp tục có sự tăng trưởng trong năm 2019 với khối lượng giao dịch bình quân trong năm đạt 88.741 hợp đồng/phiên, tăng 12,6% so với 2018. Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh tại thời điểm cuối tháng 11 là 89.795 tài khoản, tăng 32.118 tài khoản, tương ứng 55,6% so với cuối năm 2018. Bên cạnh đó, sản phẩm Chứng quyền có đảm bảo (CW) đã được triển khai từ tháng 6 và tính tới cuối năm đã có 8 CTCK tham gia phát hành tổng cộng 53 mã chứng quyền với khối lượng 128,2 triệu chứng quyền dựa trên 17 mã cổ phiếu cơ sở. Việc phát hành và niêm yết các mã CW có tác dụng tích cực tới giá và thanh khoản của một số mã cổ phiếu cơ sở, tuy nhiên giao dịch CW nhìn chung còn thấp, khối lượng giao dịch bình quân sau 6 tháng chỉ là 2,87 triệu cq/phiên, tương ứng giá trị giao dịch bình quân 7,2 tỷ đồng/phiên, tương ứng 1,5% về khối lượng và 0,17% về giá trị so với HOSE cùng thời điểm.

Hoạt động niêm yết năm 2019 sụt giảm mạnh và là mức thấp nhất trong 5 năm gần đây với chỉ 13 doanh nghiệp mới trên HOSE, giảm 63% so với 2018 trong đó 8 doanh nghiệp chuyển từ Upcom và HNX, trên HNX chỉ có 9 doanh nghiệp niêm yết mới so với 10 DN trong năm 2018. Hoạt động đăng ký giao dịch trên Upcom của các doanh nghiệp cũng diễn ra trầm lắng khi chỉ có 80 doanh nghiệp mới (so với 137 doanh nghiệp năm 2018) và cũng không có nhiều doanh nghiệp quy mô lớn. Quá trình cổ phần hóa, thoái vốn DNNN cũng diễn ra không đạt kỳ vọng với chỉ 9 DN được cổ phần hóa (năm 2018 là 11 doanh nghiệp) và chỉ có 13 đợt bán thoái vốn (năm 2018 là 18), nguyên nhân do chậm quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần; chậm bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC, bất cập trong các quy định pháp luật liên quan tới việc bán đấu giá, xác định giá trị doanh nghiệp...

Về chính sách, đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong đó có nhiều mục tiêu lớn như quy mô thị trường, sản phẩm, công nghệ giao dịch, nâng hạng thị trường.... Tại kỳ họp Quốc Hội diễn ra trong tháng 10, Luật Chứng khoán sửa đổi đã được thông qua và sẽ có hiệu lực từ 1/1/2021 trong đó có một số điểm mới liên quan tới điều kiện chào bán chứng khoán, chào bán trái phiếu riêng lẻ, mô hình tổ chức với 1 Sở GDCK Việt Nam... Tuy nhiên những vấn đề cũ như nói room cho khối ngoại, bán chứng khoán trên đường về (T+0) chưa có hướng giải quyết. Trong năm 2019, thị trường chứng khoán Việt Nam chưa được tổ chức FTSE Russell nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi loại 2, chưa được MSCI đưa vào danh sách xem xét nâng hạng từ cận biên lên thị trường mới nổi như kỳ vọng.

Tính tới cuối năm 2019, số lượng CTCK đang hoạt động là 75 công ty. Đến hết tháng 11/2019, có 55 CTCK báo cáo kinh doanh có lãi với tổng lãi đạt 7.420 tỷ đồng (giảm 1.068 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018). Tổng doanh thu của các CTCK được ghi nhận đạt 20.774 tỷ đồng, tương đương 85,18% doanh thu cả năm 2018 và giảm 8,25% so với cùng kỳ năm 2018. Trong năm 2019 cũng ghi nhận 2 thương vụ đối tác Hàn Quốc mua lại CTCK là Hanwha mua lại CTCK HFT và JB Financial Group mua lại CTCK Morgan Stanley Gateway qua đó nâng số lượng CTCK vốn Hàn Quốc lên 7 công ty.

- Về thị phần, trong bối cảnh thị trường không như kỳ vọng, áp lực cạnh tranh trong năm 2019 tiếp tục gia tăng đặc biệt tới từ nhóm các CTCK có vốn ngoại. Sau khi quy định về mức sàn phí giao dịch được bãi bỏ, cuộc đua hạ giá phí giao dịch diễn ra rất gay gắt và có những công ty còn áp dụng mức phí giao dịch 0 đồng để nhằm thu hút thêm khách hàng từ các công ty khác. Ngoài ra, nhiều công ty chứng khoán ngoại sau khi tăng vốn mạnh tiếp tục tung ra các chương trình cho vay ký quỹ với quy mô lớn, lãi suất thấp để cạnh tranh với các công ty chứng khoán nội phải đi vay ngân hàng khiến cho cuộc đua về thị phần ngày càng khó khăn.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2019

- Trong bối cảnh thị trường diễn biến kém thuận lợi của năm 2019, nhờ đánh giá đúng tình hình, phản ứng linh hoạt cùng với sự nỗ lực của toàn thể CBNV, SHS đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan. Cụ thể tổng doanh thu 2019 đạt 1.072,4 tỷ đồng, giảm 14% so với thực hiện năm 2018 và tương đương 83,1% kế hoạch năm. Tổng chi phí là 760,4 tỷ đồng, tương đương 87,3% kế hoạch trong đó chi phí kinh doanh là 693,8 tỷ đồng và chi phí quản lý là 66,6 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của SHS là 312 tỷ đồng, tương đương 74,2% kế hoạch. Lãi trên vốn cổ phần (EPS) đạt 1.359 đồng, lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROAA) đạt 4,65%, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt 11,2%, lãi sau thuế trên doanh thu đạt 23,7%. Kết quả này theo Ban điều hành đánh giá là khả quan bởi thị trường trong năm qua không được như kỳ vọng, nhiều mã cổ phiếu bluechips giảm giá trong khi phần nhiều số tăng giá lại là các công ty midcap và penny không phù hợp với các tổ chức, công ty chịu áp lực cạnh tranh mạnh từ các công ty khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	% so với KH
I	Tổng doanh thu	1.291	1.072,4	83,1%
II	Tổng chi phí	870,7	760,4	87,3%
III	Lợi nhuận kế toán trước thuế	420,3	312	74,2%

- Trong cơ cấu doanh thu, hoạt động Môi giới (gồm cả lưu ký) đạt 142,6 tỷ đồng, chiếm 13,3% và thực hiện được 58,2% kế hoạch. Lãi từ cho vay và phải thu đạt 425,5 tỷ đồng, chiếm 39,7% và tăng 13,4%, hoạt động Đầu tư ghi nhận 325,3 tỷ đồng, chiếm 30,3% và giảm 32,8%, hoạt động Tư vấn ghi nhận 169,4 tỷ đồng, tăng 43,4% trong đó tư vấn tài chính & bảo lãnh phát hành là 135,3 tỷ đồng, tư vấn đầu tư là 34,1 tỷ đồng.
- Chi phí hoạt động kinh doanh của SHS trong năm 2019 là 693,8 tỷ đồng, giảm 11,5% so với 2018 tương đương 85,4% so với kế hoạch. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 là 66,6 tỷ đồng, tương đương 106% so với kế hoạch.
- Đối chiếu với các mục tiêu phương hướng hành động đề ra từ đầu năm, Công ty đã đạt được những kết quả và còn một số việc chưa đạt như sau:

Kết quả đạt được:

- Trong bối cảnh thị trường 2019, mảng kinh doanh sản phẩm Fixed Income của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng mạnh đóng góp vào kết quả chung của Công ty;
- Hoạt động tư vấn chuyển dịch dần doanh thu sang tư vấn chuyên sâu đặc biệt là tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, qua đó hoàn thành vượt kế hoạch năm;

- Hoạt động MG&DVTC ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong bối cảnh gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn trong năm 2019;
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.072,68 tỷ đồng.
- Được Sở GD&ĐT Hà Nội (HNX), Sở GD&ĐT Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung tâm lưu ký (VSD) vinh danh là CTCK tiêu biểu, được Tp Hà Nội trao tặng bằng khen Doanh nghiệp có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Tp Hà Nội năm 2019. SHS cũng được Báo Diễn đàn doanh nghiệp và Hội Kế toán và Kiểm toán Việt nam trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp 3 năm liên tiếp đạt chỉ số năng lực tài chính tốt nhất. Báo cáo thường niên của SHS nằm trong Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất do HSX và Báo ĐTCK trao tặng; SHS được UBND Thành phố Hà Nội tôn vinh Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện nghĩa vụ thuế;

Những việc chưa đạt:

- Chưa hoàn thành được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà ĐHCĐ thông qua từ đầu năm;
- Công tác đào tạo, nâng cao năng lực CBNV cần được chú trọng hơn nữa;
- Việc xây dựng và triển khai hệ thống chứng khoán phái sinh chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra;
- Việc xây dựng cơ chế giao và đánh giá hiệu quả công việc theo KPI đang bị chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra;
- Các giải pháp về phát triển nền tảng công nghệ để bắt kịp xu hướng của cuộc cách mạng 4.0 chưa được triển khai quyết liệt;

1. Đánh giá các hoạt động nghiệp vụ của SHS

1.1. Hoạt động đầu tư

- Năm 2019, diễn biến thị trường khó khăn đối với hoạt động đầu tư khi chỉ số tích lũy trong vùng rộng, nhiều cổ phiếu bluechip giảm giá (13/30 mã, tương ứng 43%, thuộc VN-30 giảm giá) trong khi các mã tăng giá tốt phần nhiều thuộc nhóm midcap và penny vốn không nằm trong danh mục đầu tư của các tổ chức, hoạt động cổ phần hóa đầu giá trầm lắng khiến cho cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu tốt thuộc nhóm này hạn chế. Tuy nhiên nhờ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh Fixed Income, hoạt động đầu tư ghi nhận 325,3 tỷ doanh thu, giảm 32,8% so với kết quả của năm 2018, lãi gộp đạt 251,2 tỷ đồng, giảm 23,9% so với năm 2018.
- Công tác quản trị hoạt động đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy trình và các bước đầu tư với các báo cáo giấy tờ được chuẩn hóa. Quy trình đầu tư ngày một hoàn thiện, nhân sự được bổ sung và hệ thống công nghệ dữ liệu được bảo đảm hoàn thiện công việc.
- Đối với một số doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ có giá trị lớn. Công ty đã thường xuyên chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin, tham gia sâu hơn vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, thậm chí cử chuyên gia tham gia trực tiếp vào công việc điều hành, để đảm bảo quyền lợi của SHS.

1.2. Hoạt động Môi giới và Dịch vụ tài chính

- Trong năm 2019, hoạt động Môi giới của Công ty ngoài việc chịu tác động chung từ diễn biến thị trường kém thuận lợi, thanh khoản sụt giảm mạnh còn chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ phía các CTCK khác đặc biệt là công ty có vốn ngoại khi liên tục hạ phí, đưa ra các gói cho vay với lãi suất thấp... Do vậy, doanh thu hoạt động môi giới (gồm cả lưu ký) ghi nhận 142,6 tỷ đồng, giảm 46,1% so với 2018 và tương ứng 58,2% kế hoạch.
- Hoạt động dịch vụ tài chính của SHS ghi nhận 425,5 tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2018 và tương đương 109,1% kế hoạch.

- Doanh thu tổng hợp hoạt động môi giới & dịch vụ tài chính của SHS ghi nhận 568,1 tỷ đồng, giảm 11,2% so với năm 2018 và tương đương 89,5% kế hoạch.

Thị phần môi giới của SHS

	2018	2019
HOSE	4,02%	2,85%
HNX	8,44%	5,04%
Toàn thị trường	4,59%	3,07%

- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính năm 2019 vẫn được chú trọng duy trì tốt.
- Trong năm qua, hoạt động Môi giới của Công ty cũng đã phối hợp cùng với bộ phận Tư vấn và Bảo lãnh phát hành để phát triển thêm các khách hàng là cổ đông của những Tập đoàn, DNNN mà SHS tư vấn IPO, niêm yết mở tài khoản đăng ký giao dịch.

1.3. Hoạt động Tư vấn

- Năm 2019 hoạt động tư vấn của các CTCK nói chung và SHS nói riêng tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng bởi thị trường chung kém khởi sắc nên hoạt động niêm yết phát hành cũng chững lại, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn gần như bị đóng băng do những khó khăn, vướng mắc từ cơ chế chính sách chưa được giải quyết và lãnh đạo doanh nghiệp cũng như lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước chưa quyết liệt. Do vậy doanh thu tư vấn truyền thống giảm 62% so với năm 2018, đạt 3,5 tỷ đồng. Tuy nhiên nhờ chính sách chuyển dịch cơ cấu sản phẩm được triển khai từ những năm trước nên doanh thu từ các mảng chuyên sâu như tư vấn M&A và đặc biệt là tư vấn, đại lý, bảo lãnh phát hành trái phiếu tiếp tục ghi nhận sự phát triển vượt bậc ghi nhận tổng cộng 123,4 tỷ đồng. Qua đó mảng tư vấn và bảo lãnh phát hành đạt 126,9 tỷ đồng doanh thu, tăng hơn 2,5 lần so với thực hiện năm 2018.
- Tính chung, hoạt động tư vấn (tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn bảo lãnh phát hành) ghi nhận 169,4 tỷ đồng doanh thu, tăng 43,56% so với 2018 và hoàn thành đạt 159,8% kế hoạch năm.
- SHS trong năm 2019 đã tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng tư vấn đến nhiều đối tượng khách hàng, ngoài các tập đoàn, tổng công ty lớn như Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng... còn có các định chế tài chính như ngân hàng TMCP Liên Việt, ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội....
- Bên cạnh nghiệp vụ chính, hoạt động tư vấn trong năm vừa qua cũng hỗ trợ khá tích cực cho các hoạt động khác của Công ty như Môi giới, Nguồn vốn.

1.4. Hoạt động quản lý nguồn vốn

- Nhìn chung trong năm 2019, mặc dù nguồn vốn từ hệ thống ngân hàng gặp khó khăn do chịu tác động của Thông tư 36 và thông tư 07, Công ty đã cân đối về nguồn vốn, đảm bảo tốt khả năng thanh toán, đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động đặc biệt là hoạt động Đầu tư, Môi giới và Dịch vụ tài chính.
- Hoạt động nguồn vốn được tổ chức khoa học, hợp lý, công tác quản trị được chú trọng nên hiệu quả sử dụng vốn đạt mức cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của toàn Công ty.

1.5. Các hoạt động khác

- Hệ thống phần mềm core phục vụ giao dịch chứng khoán được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng những thay đổi về giao dịch tại 2 sàn. Tuy nhiên việc triển khai xây dựng hệ thống chứng khoán phái sinh đang chậm so với tiến độ đặt ra.
- Phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và quản trị của các phòng ban, Công ty đã triển khai phần mềm quản lý nguồn vốn, quản lý danh mục đầu tư, phần mềm HRM phiên bản mới hỗ trợ bộ phận môi giới, nhân sự.
- Về nhân sự, tại thời điểm cuối năm 2019, toàn Công ty có 227 cán bộ nhân viên, tăng 8 người so với đầu năm trong đó 223 cán bộ nhân viên đã ký hợp đồng lao động chính thức, 4 cán bộ nhân viên đang trong thời gian thử việc.
- Công tác quan hệ lao động (quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật...) và chế độ cho người lao động (lương, BHXH) được thực hiện tốt, không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện. Các nhân viên có đóng góp tích cực được khen thưởng đồng viên kịp thời.
- Trong năm 2019, công tác kiểm soát đối với các nghiệp vụ có tính rủi ro cao được thực hiện sát sao, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình, quy định. Các sai sót đều được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời, đúng quy định. Công tác kiểm tra định kỳ tại các phòng ban, chi nhánh được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, kịp thời.
- Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin đảm bảo đúng quy định, đầy đủ và kịp thời.

PHẦN HAI: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

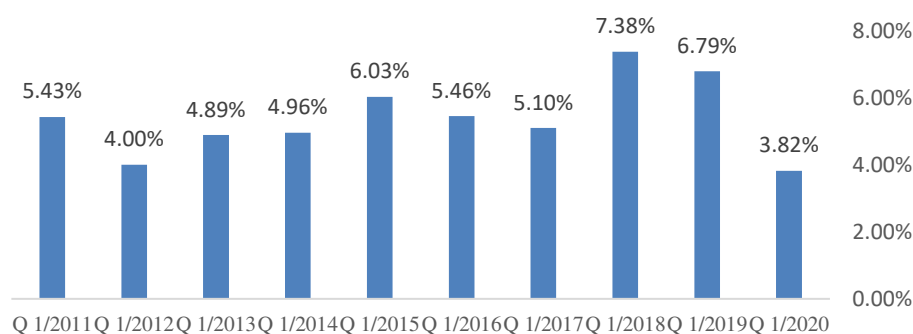
I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN 2020

1. Nhận định chung 2020

- Bối cảnh kinh doanh 2020 trở nên phức tạp kể từ khi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện bắt đầu từ Trung Quốc vào giữa tháng 12/2019 và sau đó lan ra toàn thế giới. Tính tới 15/6/2020, đã có tổng cộng gần 8 triệu người bị nhiễm bệnh trong đó trên 435 nghìn người chết trên toàn thế giới. Để phòng ngừa và hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, các quốc gia đã buộc phải thực hiện các biện pháp cực đoan bao gồm cách ly khoanh vùng, hạn chế đi lại, đóng cửa các trường học, nhà hàng, địa điểm vui chơi giải trí, đóng cửa biên giới... Những điều này đã khiến cho các hoạt động kinh tế tại nhiều quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng, sản xuất bị đình trệ khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, nhiều ngành kinh tế chịu tác động mạnh như hàng không, du lịch, bán lẻ... Hầu hết các nền kinh tế lớn chịu tác động mạnh như Trung Quốc (GDP tăng trưởng -6,8% trong quý 1), kinh tế Mỹ chỉ tăng trưởng 0,23% và tỷ lệ thất nghiệp tháng 4 lên tới mức cao kỷ lục 14,7% với trên 23 triệu người thất nghiệp.
- Thị trường chứng khoán toàn cầu 5 tháng đầu năm 2020 trước cơn đại dịch chưa từng thấy trong lịch sử cũng chứng kiến sự lao dốc rất mạnh trong tháng 3 khi nhà đầu tư bán tháo cổ phiếu khiến cho các chỉ số chứng khoán chủ chốt đánh mất toàn bộ thành quả tăng điểm trước đó và đều rơi vào trạng thái “giá xuống” (bear market). Mặc dù sau đó các thị trường đã phục hồi trở lại cùng với những tiến triển trong quá trình khống chế dịch và mở cửa trở lại nền kinh tế tuy nhiên các chỉ số vẫn chưa quay lại được mốc của thời điểm trước khi dịch Covid diễn ra.
- Trên thị trường hàng hóa, cuộc chiến giá dầu giữa OPEC – Nga cùng với triển vọng kinh tế ảm đạm do ảnh hưởng từ dịch bệnh khiến cho giá dầu trong 5 tháng đầu năm tụt giảm mạnh có thời điểm xuống dưới 20USD/thùng, mức thấp nhất trong vòng 20 năm gần đây. Trong khi đó giá vàng trước nhu cầu gia tăng về tài sản trú ẩn của nhà đầu tư tiếp tục có đà tăng mạnh và đang tiến gần tới mức đỉnh cao mọi thời đại thiết lập năm 2011.

- Trong nước, do chịu ảnh hưởng sớm của dịch bệnh ngay từ tháng 1/2020 nên Việt Nam đã phải áp dụng nhiều biện pháp để hạn chế sự lây lan và thậm chí đã phải tiến hành cách ly toàn xã hội trong tháng 4/2020 và tới nay mặc dù đã bỏ cách ly nhưng hoạt động xuất nhập cảnh người vẫn bị hạn chế ở mức cao. Chính do vậy, kinh tế Việt Nam trong quý 1 chỉ tăng 3,82%, mức tăng thấp nhất của quý 1 kể từ năm 2011. Hoạt động thương mại dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ quý 1 chỉ tăng 1,6% sau khi loại trừ yếu tố giá (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,3%), lượng khách quốc tế tới Việt Nam trong quý 1/2020 giảm tới 18,1%. Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 4 đã giảm xuống mức thấp kỷ lục 32,7 điểm trước khi có sự phục hồi dần trở lại mức 42,7 điểm trong tháng 5 và vẫn dưới mức bình thường 50 điểm.

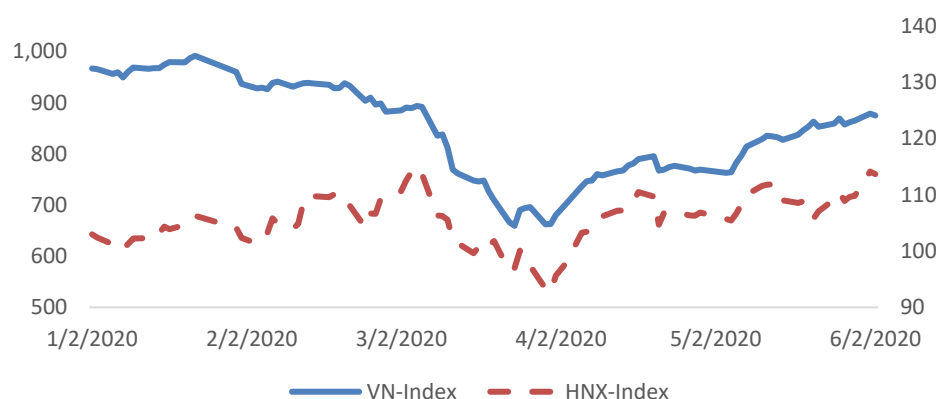
Tăng trưởng GDP quý 1



Nguồn: TCTK

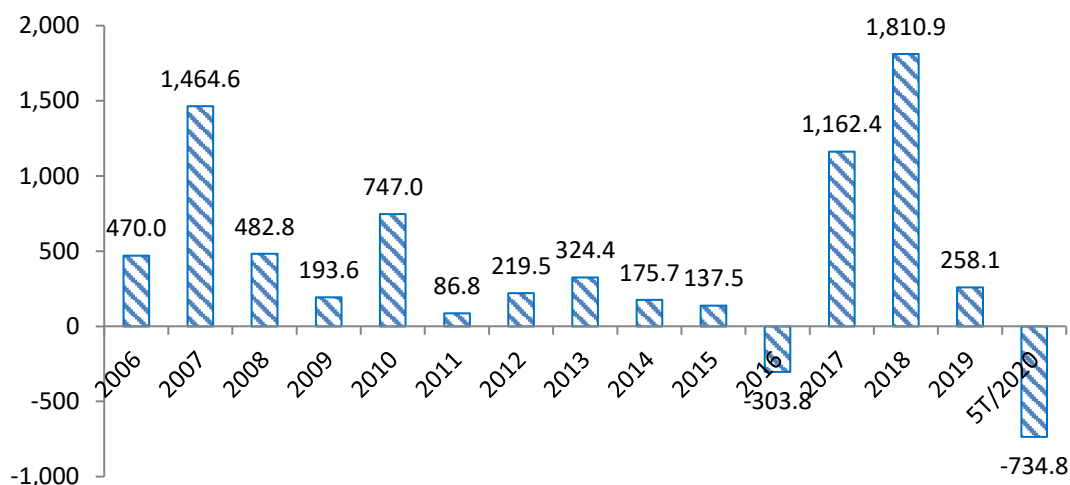
- Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2020 cũng chứng kiến đà lao dốc cực mạnh khi tâm lý nhà đầu tư bị hoảng loạn trước rủi ro dịch bệnh chưa từng có trong lịch sử. Sau đợt tăng trước kỳ nghỉ Tết, thị trường ngay sau khi mở cửa trở lại đã chứng kiến đà bán tháo khiến cho các chỉ số giảm liên tục trong vòng 2 tháng sau đó trước khi phục hồi trở lại từ đầu tháng 4 cho tới cuối tháng 5. Tính tại mức đáy được xác lập vào ngày 31/3, VN-Index giảm 33,2% so với mức trước khi nghỉ Tết và giảm 31,06% so với cuối năm 2019. Chỉ số HNX Index giảm 12,8% so với mức trước khi nghỉ Tết và giảm 9,63% so với cuối năm 2019. Từ tháng 4 cho tới cuối tháng 5, các chỉ số có sự phục hồi khá tốt khi Việt Nam khống chế thành công dịch bệnh và tái khởi động lại nền kinh tế sớm hơn nhiều quốc gia khác. Đóng cửa phiên cuối tháng 5, VN-Index đạt 846,47 điểm, tăng 30,48% so với đáy tháng 3, giảm 10,04% so với cuối năm 2019 và là thị trường có mức tăng tốt nhất Châu Á trong tháng 5. Chỉ số HNX-Index cuối phiên 29/5/2020 đóng cửa tại mốc 109,81 điểm, tăng 18,53% so với đáy tháng 3 và tăng 7,12% so với cuối năm 2019.

Diễn biến Thị trường Chứng khoán 5 tháng 2020



Thanh khoản toàn thị trường (bao gồm cả sàn Upcom) trong 5 tháng đầu năm 2020 tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2019 với giá trị giao dịch bình quân đạt 5.138 tỷ/phiên. Các nhà đầu tư nước ngoài trước rủi ro dịch bệnh cũng thực hiện rút vốn mạnh đặc biệt trong tháng 3 và mặc dù đã bán dần nhưng tổng kết 5 tháng đầu năm vẫn bán ròng lên tới 17.081 tỷ đồng trong đó bán ròng 15.289 tỷ trên sàn HOSE và 1.791 tỷ trên sàn HNX.

Giá trị mua/bán ròng của NĐTNN (triệu USD)

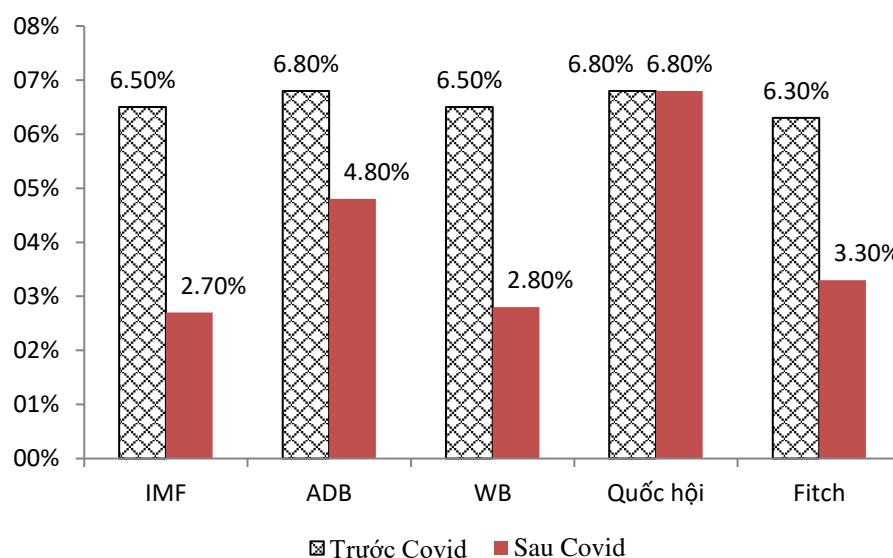


- Kinh tế thế giới năm 2020 được đánh giá sẽ rơi vào suy thoái và khó đoán định do dịch Covid-19 vẫn chưa chấm dứt hoàn toàn trong khi chưa có vaccin để phòng bệnh. GDP toàn cầu năm 2020 được các tổ chức như IMF, WB, OECD dự báo sẽ tăng trưởng âm từ 3%-6%, lớn hơn nhiều so với năm 2009 và sẽ là cuộc suy thoái tồi tệ thứ 4 trong vòng 150 năm trở lại đây (WB). Các nước phát triển sẽ tăng trưởng -6% đến -7%, các nước mới nổi tăng trưởng -1% đến -2,5%, tình trạng thất nghiệp gia tăng, thương mại toàn cầu và giá hầu hết các loại hàng hóa sẽ bị sụt giảm do nhu cầu thấp. Ngoài nguy cơ dịch Covid quay trở lại cùng với quá trình mở cửa kinh tế, một số rủi ro khác mà nền kinh tế thế giới sẽ phải đối mặt bao gồm: **1/Rủi ro khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt nguồn từ sự tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán trong những năm vừa qua và suy thoái kinh tế;** **2/Cuộc chiến thương mại giữa Mỹ-Trung vẫn chưa chấm dứt và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào nếu như hai bên không đạt được thỏa thuận đàm phán tại giai đoạn 2;** **3/Rủi ro địa chính trị tại các khu vực lớn của thế giới;** **4/Rủi ro nợ công gia tăng, đồng tiền mất giá khi nhiều chính phủ tăng cường đi vay để tung ra các gói cứu trợ quy mô lớn.**
- Kinh tế Việt Nam dù vẫn được đánh giá tích cực hơn nhiều quốc gia trong khu vực năm 2020 tuy nhiên những khó khăn của dịch bệnh được dự báo sẽ còn tiếp tục kéo dài trong các tháng còn lại của năm 2020 thậm chí kéo dài sang cả năm 2021. Việt Nam sẽ phải đối mặt với những khó khăn cả từ phía cung lẫn phía cầu. Về phía cung, do hiện tại 91.2% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam là tư liệu sản xuất của nhiều ngành như lắp ráp điện thoại, vi tính, dệt may, da giày nên nguy cơ sẽ bị thiếu hụt hoặc tăng giá nguyên liệu do hoạt động sản xuất tại Trung Quốc, Hàn Quốc chưa quay trở lại mức bình thường thậm chí dịch còn đang có rủi ro bùng phát trở lại (trong một nghiên cứu gần đây, nếu nhập khẩu cho sản xuất từ Trung Quốc giảm 10% thì GDP của Việt Nam sẽ giảm 0.59%, nếu giảm 20% thì GDP của Việt Nam sẽ giảm 1.19%). Về phía cầu, do nhiều quốc gia trên thế giới đang trong quá trình nới lỏng cách ly trở lại thêm vào đó là tình hình kinh tế khó khăn, thất nghiệp gia tăng, biện pháp cấm nhập cảnh với người vẫn được thực hiện, nhu cầu đối với các loại hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam chắc chắn sẽ bị sụt giảm, các ngành như du lịch và hàng không sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn tới. Các thách thức sẽ bao gồm: **1/Phòng chống dịch bệnh**

quay trở lại trong khi hạn chế tác động của dịch cả trực tiếp và gián tiếp tới tăng trưởng kinh tế; 2/Chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc có thể tái xảy ra; 3/Yêu cầu đầy nhanh quá trình tái cơ cấu lại nền kinh tế và doanh nghiệp nhà nước;

- ✚ **Tăng trưởng** năm 2020 được đánh giá sẽ thấp hơn so với năm 2019 do tác động của dịch Covid-19 tuy nhiên chưa thể xác định rõ ràng bởi dịch bệnh có thể quay trở lại cùng với mở cửa kinh tế. Các lĩnh vực chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh sẽ gồm: vận tải, du lịch, tiêu dùng nội địa và sau đó là sản xuất, xuất nhập khẩu và đầu tư nếu dịch bệnh kéo dài hơn dự kiến. Bội chi ngân sách sẽ tạm thời gia tăng do thu ngân sách thấp hơn và các giải pháp giãn, hoãn cũng như kích cầu tài khóa để bù đắp cho tác động tiêu cực của dịch bệnh.
- ✚ **Lạm phát** trong năm 2020 sẽ ít chịu áp lực tăng mặc dù các yếu tố như thời tiết khó lường, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới giá lương thực, thực phẩm tuy nhiên một số yếu tố hỗ trợ như cầu giảm, giá nhiên liệu giảm cộng với việc ngừng điều chỉnh giá một số các dịch vụ như y tế, giáo dục, điện.
- ✚ **Tỷ giá** trong năm 2020 được dự báo sẽ chịu nhiều áp lực trong bối cảnh FED và nhiều nước trên thế giới hạ lãi suất, thị trường tài chính bất ổn gây tác động tới dòng vốn tuy nhiên với dự trữ ngoại hối khá lớn (80 tỷ USD), dự báo mức biến động trong phạm vi 2%.
- ✚ **Lãi suất, tín dụng:** Năm 2020, tín dụng được dự báo sẽ tiếp tục tăng chậm do tăng trưởng kinh tế chậm lại, tỷ lệ LDR của nhóm NHTMNN giảm từ 90% xuống 85% theo TT22, giải ngân đầu tư công dự báo sẽ được thúc đẩy nhanh hơn để hỗ trợ cho nền kinh tế, mặt bằng lãi suất sẽ được duy trì ở mức thấp để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong giai đoạn sau dịch.
- ✚ **Tái cơ cấu:** quá trình sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, quá trình xử lý nợ xấu của VAMC sẽ tiếp tục được triển khai mạnh.

Một số dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020



Nguồn: SHS Research tổng hợp

2. Dự báo và phân tích tác động

Với những diễn biến trong 5 tháng vừa qua, dự báo thị trường chứng khoán trong giai đoạn còn lại của năm 2020 sẽ theo hướng tích lũy, tuy nhiên vẫn có thể có những biến động mạnh:

Thách thức:

- Kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng âm trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nguy cơ suy thoái, khủng hoảng tài chính nếu dịch bệnh kéo dài chưa kể tới những rủi ro khác như chủ nghĩa bảo hộ và chiến tranh thương mại Mỹ-Trung quay trở lại. Bên cạnh đó những rủi ro địa chính trị tại những điểm nóng trên thế giới cũng có nguy cơ leo thang tác động xấu tới thị trường tài chính quốc tế và Việt Nam.
- Mặc dù thị trường đã có sự phục hồi khá mạnh trong 2 tháng gần đây, tuy nhiên những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam do tác động của dịch bệnh và kinh tế thế giới suy giảm chưa được thể hiện và nhìn nhận một cách rõ ràng và sẽ chỉ được phản ánh trong giai đoạn tới, hoạt động xuất khẩu, nhiều ngành và doanh nghiệp trong nước đặc biệt là trong các lĩnh vực du lịch, hàng không sẽ gặp khó khăn thậm chí các doanh nghiệp nhỏ có thể rơi vào tình trạng phá sản, thất nghiệp gia tăng...và điều này sẽ tác động tới TTCK.
- Mặc dù Việt Nam đã khống chế được dịch bệnh trong nước tuy nhiên nguy cơ bùng phát dịch bệnh trở lại ở các quốc gia khác và sau đó lây lan sang Việt Nam vẫn là hiện hữu trong khi nền kinh tế không thể đóng cửa quá lâu. Và nếu Việt Nam lại tiếp tục phải đóng cửa cách ly để chống dịch trong thời gian tới thì kinh tế và TTCK sẽ chịu tác động mạnh.
- Năm 2020 cũng là năm diễn ra bầu cử tổng thống Mỹ và có thể có những thay đổi bất thường trong các chính sách kinh tế - chính trị của quốc gia này. Ngoài ra sự gia tăng của dòng vốn đầu tư vào Việt Nam và tăng cường xuất khẩu sang Mỹ của nhiều mặt hàng sẽ khiến cho Việt Nam có nguy cơ trở thành mục tiêu cho các vụ kiện chống bán phá giá hoặc lẫn tránh thuế trừng phạt qua đó tác động tới nhiều ngành kinh tế.
- Dòng tiền đầu tư chứng khoán tiếp tục gặp nhiều khó khăn do: 1/Chịu tác động từ Thông tư 36, Thông tư 07; 2/Chính sách hạn chế dòng vốn từ ngân hàng cho các hoạt động rủi ro trong đó có đầu tư, kinh doanh chứng khoán; 3/ UBCKNN tăng cường quá trình kiểm soát rủi ro tại các CTCK trong đó đặc biệt là hoạt động cấp margin thông qua bên thứ 3 và cả từ nguồn vốn của CTCK.
- Hoạt động của các doanh nghiệp sẽ tiếp tục phân hóa mạnh đòi hỏi các hoạt động đầu tư, tư vấn đầu tư của các CTCK cũng cần linh hoạt và nhanh nhạy hơn.
- Năm 2020 là năm cuối trong kế hoạch 2017-2020 thực hiện việc cổ phần hóa và thoái vốn của Chính phủ, cho tới nay vẫn còn tới 314/406 doanh nghiệp cần thoái vốn và 92 doanh nghiệp phải cổ phần hóa. Áp lực từ các hoạt động này sẽ tạo nguồn cung lớn, ảnh hưởng đến mức độ tăng trưởng chung của thị trường.

Cơ hội:

- Kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo tích cực hơn so với nhiều quốc gia khác trên khu vực và thế giới. Bên cạnh đó sau khi dịch chấm dứt, làn sóng FDI được đánh giá sẽ tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam khi các doanh nghiệp nước ngoài nhận thức tầm quan trọng của việc đa dạng hóa các nhà cung cấp trong chuỗi sản xuất toàn cầu. Bên cạnh đó Hiệp định EVFTA đã hoàn tất ký kết và sẽ có hiệu lực từ tháng 8/2020 mở ra cơ hội cho hàng hóa VN xuất khẩu mạnh mẽ hơn sang Châu Âu. Ngoài ra nhiều lĩnh vực kinh tế mới có cơ hội phát triển mạnh mẽ hơn như kinh tế số, công nghệ thông tin qua đó mang lại những cơ hội mới trên thị trường.
- Trong giai đoạn hiện tại với việc các lĩnh vực đầu tư khác đều đang gặp nhiều khó khăn, bất động sản chững lại, lãi suất giảm, thị trường chứng khoán đang là kênh hấp dẫn để thu hút được dòng tiền nhàn rỗi của các nhà đầu tư.

- Để hỗ trợ, kích thích tăng trưởng kinh tế sau dịch nhiều chính sách tiền tệ, tài khóa dự báo sẽ được thúc đẩy nhanh hơn qua đó tạo điều kiện cho một số ngành, doanh nghiệp phát triển hơn.
- Dự kiến Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Luật Đầu tư sửa đổi sẽ được trình lên Quốc Hội để thông qua trong đó có nhiều điểm mới được kỳ vọng sẽ gỡ nút thắt liên quan tới sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp, ngoài ra cũng tạo hành lang pháp lý cho việc phát hành Chứng chỉ Lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) qua đó thu hút thêm nguồn vốn ngoại vào thị trường. Bên cạnh đó, một số chính sách và sản phẩm mới sẽ được xem xét ban hành như nói biên độ giao dịch theo phân băng cổ phiếu, triển khai các sản phẩm mới như chứng quyền có đảm bảo (CW) với tài sản cơ sở là chỉ số, quỹ ETF mới dựa trên 3 chỉ số mới tại sàn HOSE. Bên cạnh đó hệ thống công nghệ thông tin mới dự kiến sẽ được triển khai qua đó nâng cao hạ tầng chung cho giao dịch trên thị trường. Ngoài ra, Bộ Tài Chính dự kiến sẽ ban hành nghị định sửa đổi Nghị định 126/2017 và Nghị định 32/2018 qua đó giải tỏa một số vướng mắc liên quan tới quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Những yếu tố trên sẽ là cơ sở pháp lý và là nền tảng hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của TTCK.
- Quá trình tái cơ cấu DNNN, cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp lớn như Mobifone, VNPT, Satra, Genco 2, Genco 1, Vichem, Vinataba...thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp niêm yết như ACV, Vietnam Airlines, Viglacera, PV Gas, Petrolimex...cùng với quá trình chuyển sàn của nhiều mã lớn từ Upcom sang sàn niêm yết sẽ giúp cho thị trường có thêm hàng hóa có chất lượng và gia tăng thanh khoản.
- Cơ hội TTCK Việt Nam sẽ được FTSE nâng hạng thị trường, tăng tỷ trọng trong rổ chỉ số thị trường cận biên của MSCI và khả năng đưa vào danh sách xem xét nâng hạng lên thành Thị trường Mới nổi trong giai đoạn 2020 - 2021.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020

Dự báo tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2020 có thuận lợi nhưng cũng còn nhiều thách thức, Công ty sẽ phát huy nguồn lực và thế mạnh để tận dụng các cơ hội đồng thời vẫn chú trọng ổn định tình hình tài chính, củng cố về tổ chức, nhân sự.

1. Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm

STT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ	Mục tiêu
1	Môi giới	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Duy trì vị thế trong Top 5 CTCK có thị phần môi giới hàng đầu; Đẩy mạnh phát triển khách hàng đặc biệt là khách hàng tổ chức; Nâng cao số lượng, chất lượng của đội ngũ môi giới; Nâng cao năng lực tư vấn đầu tư. Nâng cấp hệ thống CNTT hiện tại; Đưa vào triển khai sản phẩm chứng khoán phái sinh 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển SHS trở thành một trong những công ty môi giới hàng đầu Việt Nam, phấn đấu nằm trong Top 3 về thị phần môi giới.
2	Dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Duy trì sự ổn định của sản phẩm; Đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ; Cải tiến các sản phẩm theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho Công ty. ▪ Kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển các sản phẩm tài chính linh hoạt, thuận tiện, Quản trị tốt rủi ro trong hoạt động.
3	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Cân đối nguồn vốn hợp lý để thực hiện các cơ hội có được về đầu tư CKNY; Tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư; Đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội đầu tư bằng nghiệp vụ M&A, PE 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tận dụng được các cơ hội để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn kết hợp với việc xây dựng danh

STT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ	Mục tiêu
		phù hợp với khả năng của SHS; thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.	mục đầu tư có mức sinh lời kỳ vọng tốt, bền vững và dài hạn
4	Tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống, đồng thời chú trọng khai thác các nghiệp vụ tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp; Tư vấn và làm trung gian thu xếp vốn, cùng các nghiệp vụ IB khác; Nâng cao chất lượng tư vấn. 	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển SHS trở thành tổ chức hàng đầu về tư vấn tại Việt Nam.
5	Kinh doanh sản phẩm thu nhập cố định	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục phát triển các sản phẩm phát hành, mở rộng kênh phân phối trái phiếu Đa dạng hóa khách hàng, tiếp cận nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài Ổn định nhân sự của bộ phận, xây dựng đội ngũ tinh gọn, năng động, bài bản. 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa SHS có chỗ đứng trong thị trường trái phiếu Việt Nam gắn với các sản phẩm có chất lượng, uy tín cao
6	Nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi cân đối nguồn vốn đảm bảo an toàn về tính thanh khoản của toàn Công ty; Bám sát thị trường, dự báo các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động nguồn vốn của Công ty, xây dựng phương án xử lý dự phòng; Triển khai các giải pháp bổ sung nguồn vốn cho hoạt động của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo đáp ứng các nhu cầu vốn của các phòng ban trên cơ sở chi phí vốn tối ưu.
7	Tổ chức quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo, sàng lọc, tuyển chọn mới để bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự; Rà soát và kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực; Xây dựng mô hình tổ chức mới. Triển khai hệ thống BSC-KPI trong công tác Quản trị chiến lược và Quản trị hiệu suất 	<ul style="list-style-type: none"> Mô hình tổ chức năng động, chuyên nghiệp, kỷ luật, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020

- Giả định:

	2019	5T/2020	2020
Giá trị giao dịch toàn thị trường (tỷ đồng/phiên)	4.630	5.100	4.800
Thị phần SHS			
<i>HOSE</i>	2,85%	1,98%	2,6%
<i>HNX</i>	4,85%	8,65%	6,1%
<i>Toàn thị trường</i>	3,05%	2,62%	3%

Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	So với TH 2019
I	Tổng doanh thu	1,072.40	1,120	104.4%
-	Môi giới và lưu ký	142.6	142	99.6%
-	Lãi cho vay (DVTC)	425.5	405	95.2%
-	Đầu tư	325.3	496	152.5%
-	Tư vấn	169.4	74	43.7%
-	Khác	9.6	3	31.3%
II	Tổng chi phí	760.4	800	105.2%
III	Lợi nhuận kế toán trước thuế	312	320	102.6%
IV	Cổ tức dự kiến (bằng tiền)	12%	10%	

1. Giải pháp triển khai

3.1. Hoạt động môi giới và Dịch vụ tài chính

- Đẩy nhanh quá trình triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để cung cấp sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant).
- Phát triển đội ngũ nhân sự chuyên biệt thu hút được khách hàng tổ chức trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển khách hàng từ các doanh nghiệp nhà nước thực hiện IPO, niêm yết mà Công ty có cung cấp dịch vụ Tư vấn.
- Bên cạnh việc thúc đẩy phát triển các mạng lưới hiện có đặc biệt tại địa bàn Tp.Hồ Chí Minh, mở rộng phát triển thêm khách hàng tại các địa phương khác có tiềm năng.
- Tuyển dụng thêm nhằm tăng cường số lượng nhân viên môi giới đi đôi với việc đánh giá sàng lọc dựa trên hiệu quả thực tế, đào tạo nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn khách hàng theo hướng chuyên nghiệp.
- Duy trì sự ổn định của nguồn vốn phục vụ khách hàng, tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, chuẩn hóa các quy trình quy chế nội bộ, đơn giản hóa thủ tục sản phẩm.
- Nâng cấp hệ thống CNTT để tăng cường tính ổn định của hệ thống giao dịch, bổ sung các tiện ích nâng cao trên phần mềm giao dịch SHpro và SHWeb, phát triển các tiện ích trên Mobile trading. Xem xét phát triển các tính năng, xây dựng các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro.

3.2. Hoạt động đầu tư

- Tận dụng các cơ hội trên thị trường niêm yết khi thị trường xuống thấp để tích lũy các cổ phiếu đầu ngành, cơ bản tốt, có mức định giá thấp cho các mục tiêu dài hạn.
- Tham gia đấu giá các doanh nghiệp tiềm năng cổ hóa hoặc nhà nước thoái vốn. Tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp đầu ngành trong các lĩnh vực tiềm năng.
- Tiếp tục thực hiện quyết liệt tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng rút gọn và tập trung hơn, thời gian đầu tư dài hơn nhưng mang lại lợi nhuận lớn và bền vững hơn. Tăng cường tham gia quản trị, kiểm soát các doanh nghiệp mà SHS đang sở hữu lớn.

- Tuyển dụng nhân viên mới, tiếp tục nâng cao chất lượng nhân viên hiện có thông qua tăng cường đào tạo nội bộ về các nội dung liên quan đầu tư như phân tích kỹ thuật, thẩm định, định giá bất động sản, kế toán kiểm toán doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh....

3.3. Hoạt động Tư vấn & Bảo lãnh phát hành

- Đối với mảng Tư vấn Trái phiếu, tiếp tục đa dạng hóa đối tượng khách hàng ở những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh khác nhau, mở rộng, tạo lập và thắt chặt quan hệ với các khách hàng ở các Bộ ban ngành, Tập đoàn, Tổng công ty lớn. Tạo nên, xây dựng, phân tích và tìm kiếm cơ hội dựa trên data khách hàng trên cơ sở dữ liệu số lớn. Tiếp tục phát triển, mở rộng sản phẩm phát hành, tạo sự khác biệt cho sản phẩm trái phiếu của SHS, mở rộng kênh phân phối trái phiếu.
- Đẩy mạnh khai thác khách hàng từ công tác cổ phần hóa, thoái vốn, chào bán cổ phần. Khai thác và tận dụng triệt để các mối quan hệ để cung cấp nghiệp vụ tư vấn niềm yết, phát hành, bảo lãnh phát hành đặc biệt từ các DNNN và doanh nghiệp tư nhân nền tảng tốt.
- Tăng cường khai thác các dịch vụ tư vấn chuyên sâu như tái cơ cấu nợ gắn liền với tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn thu xếp vốn, tư vấn mua lại các khoản thoái vốn đầu tư ngoài ngành...
- Tiếp tục khai thác các dịch vụ tư vấn khác như tổ chức đại hội đồng cổ đông, tư vấn định giá cổ phiếu, tư vấn quan hệ nhà đầu tư... Trong quá trình cung cấp dịch vụ tư vấn cho khách hàng, tìm kiếm các doanh nghiệp có ngành nghề cơ bản ổn định, chiến lược kinh doanh khả thi và dòng tiền bền vững để đề xuất thực hiện các thương vụ M&A.
- Tập trung, đẩy mạnh các giải pháp đồng bộ để khai thác khách hàng trên địa bàn Tp.HCM.

3.4. Hoạt động Kinh doanh sản phẩm thu nhập cố định

- Duy trì các khách hàng cũ, đồng thời tìm kiếm thêm khách hàng mới là các Tổng Công ty, Ngân hàng về mở tài khoản giao dịch tại SHS.
- rà soát quy trình nghiệp vụ, cập nhật bổ sung các loại báo cáo, biểu mẫu, bản chào, cơ sở dữ liệu... để đảm bảo tiến độ và chất lượng các tài liệu của bộ phận.
- Ổn định mô hình tổ chức, tuyển dụng thêm nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc đảm bảo đội ngũ theo sát yêu cầu khối lượng công việc thực tế, tinh gọn, năng động, bài bản;
- Tiếp tục tăng cường hoạt động đào tạo cán bộ nền, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ.

3.5. Hoạt động quản lý và kinh doanh nguồn vốn

- Xây dựng các phương án trình HĐQT nhằm bổ sung thêm nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty. Mở rộng quan hệ tín dụng với nhiều ngân hàng thương mại để đảm bảo quy mô vay vốn.
- Mở rộng việc huy động vốn qua kênh phát hành Trái phiếu doanh nghiệp, trọng tâm phát hành cho các tổ chức tài chính lớn nước ngoài để nâng cao uy tín của SHS trên thị trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh huy động vốn từ các nguồn khác nhau, thường xuyên cải tiến sản phẩm, cải tiến các thủ tục giấy tờ, tiện ích... của sản phẩm cho phù hợp với tình hình thị trường, tối đa hoá lợi ích của SHS và khách hàng nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định, chính sách.
- Thực hiện các biện pháp để tăng hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo sự phù hợp về cơ cấu vốn, luôn đảm bảo an toàn về thanh khoản của toàn Công ty.
- Nghiên cứu xây dựng các sản phẩm mới để cung cấp cho nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, các quy định của UBCKNN và Điều lệ Công ty.

3.6. Các hoạt động khác

- Nâng cấp hệ thống Core giao dịch hiện tại để đáp ứng được với các yêu cầu mới. Bên cạnh đó đầu tư mới hệ thống để triển khai sản phẩm chứng khoán phái sinh và chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrant).
- Chỉnh sửa, cải tiến để gia tăng thêm các tiện ích trên nền các ứng dụng sẵn có theo hướng dễ tiếp cận và sử dụng, tiện lợi, nhiều tính năng. Nâng cấp các tính năng mới cho sản phẩm Mobile Trading nhằm mục tiêu nâng cao tỷ trọng giao dịch môi giới qua sản phẩm này.
- Xây dựng và trình thông qua cơ cấu tổ chức công ty mới theo mô hình tổ chức hiện đại chuyên nghiệp tương xứng với vị thế hiện tại của Công ty. Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Công ty thông qua việc xây dựng và triển khai hệ thống BSC – KPI (Thẻ điểm cân bằng – Các chỉ tiêu hiệu suất công việc) trong công tác Quản trị chiến lược và Quản trị hiệu suất, thực hiện kế hoạch của công ty cũng như tới từng Khối/Phòng/Ban đơn vị và cá nhân trực thuộc nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của công ty trong các giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng để phục vụ cho nhu cầu phát triển của công ty gồm cả nhân sự lãnh đạo cấp trung và cao cấp để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng làm việc cho nhân viên và kỹ năng quản lý dành cho lãnh đạo cấp trung thông qua hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo chéo giữa các bộ phận.
- Xây dựng và áp dụng chính sách đãi ngộ nhân sự tốt, cạnh tranh để giữ được nhân sự hiện tại và thu hút được nhân sự có chất lượng cho SHS vì mục tiêu phát triển dài hạn.
- Duy trì và đẩy mạnh cả chất và lượng của hoạt động phân tích nhằm phục vụ cả nhu cầu nội bộ và khách hàng của Công ty.
- Chuẩn hóa hình ảnh nhận diện thương hiệu SHS, hướng tới tham gia các giải thưởng do các tổ chức Quốc tế bình chọn nhằm định vị SHS là một trong những công ty có dịch vụ tốt nhất và công nghệ tốt nhất.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, đáp ứng các yêu cầu của công tác quản trị cũng như các quy định của UBCKNN.
- Kiểm soát thường xuyên để đảm bảo các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng, văn bản của Công ty được soạn thảo, ban hành, ký kết đúng pháp luật. Thực hiện tốt hoạt động báo cáo, công bố thông tin đúng theo các quy định.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết hoạt động 2019 và Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng !

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC TIẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-48
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-48



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên	
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/01/2020
Ông Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2019
Ông Mai Anh Chính	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 15/11/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông Vũ Đức Trung	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 - "Các khoản phải thu ngắn hạn" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.989.907.588.500	4.773.903.146.557
110	I. Tài sản tài chính		5.982.620.174.098	4.769.306.051.715
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.052.419.267.919	838.785.387.863
111.1	1.1 Tiền		1.052.419.267.919	838.785.387.863
112	1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.270.103.498.366	1.006.453.343.406
114	2. Các khoản cho vay	5	1.647.839.423.627	2.051.008.965.835
115	3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	300.000.000.000	-
117	4. Các khoản phải thu	6	47.668.983.400	93.173.312.756
117.1	4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	50.807.500.000
117.2	4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		47.668.983.400	42.365.812.756
117.3	4.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		47.668.983.400	42.365.812.756
118	5. Trả trước cho người bán	7	2.247.585.608	741.970.854
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	2.059.380.600.595	1.152.128.250.233
122	7. Các khoản phải thu khác	6	45.021.531.845	59.862.400.297
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(442.060.717.262)	(432.847.579.529)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		7.287.414.402	4.597.094.842
131	1. Tạm ứng		6.605.055.591	3.041.944.389
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	267.329.831	237.121.841
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	412.278.980	1.315.278.612
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		82.769.951.720	95.057.343.675
220	II. Tài sản cố định		4.426.059.066	2.911.082.500
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.426.059.066	2.874.075.323
222	- Nguyên giá		31.441.199.258	31.459.531.443
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.015.140.192)	(28.585.456.120)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	37.007.177
228	- Nguyên giá		31.196.229.207	31.196.229.207
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.196.229.207)	(31.159.222.030)
250	V. Tài sản dài hạn khác		78.343.892.654	92.146.261.175
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	890.532.343	897.532.343
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	58.197.258.349	74.761.131.339
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	19.256.101.962	16.487.597.493
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.072.677.540.220	4.868.960.490.232

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.380.341.789.038	3.003.646.101.986
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.374.023.210.957	1.271.429.315.273
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	988.000.000.000	546.980.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		988.000.000.000	546.980.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	17	950.000.000.000	150.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		345.340.035	1.933.932.035
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	16	59.135.976	22.644.494.436
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.961.500.000	1.655.600.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	24.438.863.837	45.588.288.300
323	7. Phải trả người lao động		11.624.933.886	2.998.902.021
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		379.279.297	296.220.507
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	78.374.868.256	65.489.100.310
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20	1.266.400.629.532	405.561.401.617
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	19.202.991.772	9.412.507.681
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.235.668.366	18.868.868.366
340	II. Nợ phải trả dài hạn		6.318.578.081	1.732.216.786.713
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	17	-	1.721.000.000.000
347	2. Phải trả người bán dài hạn	16	14.025.690	14.025.690
352	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20	25.000.000	25.000.000
356	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38	6.279.552.391	11.177.761.023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.692.335.751.182	1.865.314.388.246
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	2.692.335.751.182	1.865.314.388.246
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.295.262.472.800	1.125.489.636.800
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		2.072.682.010.000	1.053.956.740.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.072.682.010.000	1.053.956.740.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		222.580.462.800	71.532.896.800
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		48.863.340.849	29.901.717.464
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		48.863.340.849	29.901.717.464
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		299.346.596.684	680.021.316.518
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		340.550.702.961	681.893.377.170
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(41.204.106.277)	(1.872.060.652)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.072.677.540.220	4.868.960.490.232

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		207.268.201	105.395.674
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	841.851.110.000	572.659.310.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	24	1.501.490.000	1.501.490.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		-	8.025.000.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	179.531.730.000	108.924.040.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	26.232.263.140.000	23.818.185.330.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		21.105.570.290.000	18.635.568.100.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		3.109.444.650.000	2.836.585.260.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.814.684.440.000	2.012.928.610.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		50.000.000.000	50.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		152.563.760.000	283.103.360.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	960.385.460.000	836.895.610.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		740.054.780.000	631.803.410.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		205.035.000.000	205.092.200.000
022.3	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		15.295.680.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28	157.948.760.000	277.880.837.800

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
026	4. Tiền gửi của khách hàng	29	640.275.385.374	558.016.415.263
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		440.076.755.463	264.543.388.401
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		195.589.127.600	277.880.837.800
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.609.502.311	15.592.189.062
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	635.665.883.063	542.424.226.201
031.1	5.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		635.107.914.454	536.854.311.664
031.2	5.2 <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		557.968.609	5.569.914.537
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	4.609.502.311	15.592.189.062



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		325.334.482.231	484.647.097.181
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	308.597.466.757	457.894.267.236
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	(24.491.043.155)	(718.293.399)
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	41.228.058.629	27.471.123.344
03	1.2 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	425.503.987.684	375.127.431.396
04	1.3 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	33.c)	3.774.246.575	-
06	1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		128.053.138.116	245.847.834.316
07	1.5 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		126.918.670.182	50.150.000.000
08	1.6 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		34.110.544.513	59.661.895.628
09	1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		14.540.334.446	18.710.377.182
10	1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		8.406.237.262	8.325.280.304
11	1.9 Thu nhập hoạt động khác	33.d)	743.373.648	1.122.704.304
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.067.385.014.657	1.243.592.620.311
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		66.582.614.774	148.479.403.879
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	50.584.111.108	126.713.145.150
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	14.841.002.470	20.433.251.472
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.157.501.196	1.333.007.257
24	2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí di vay của các khoản cho vay		229.331.688.430	196.710.033.029
26	2.3 Chi phí hoạt động tự doanh		7.489.793.466	6.053.535.290
27	2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		112.282.782.564	176.783.367.079
28	2.5 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		2.210.853.909	-
29	2.6 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		706.686.378	2.686.919.122
30	2.7 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10.670.343.319	14.615.129.488
31	2.8 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		9.167.497.623	12.574.063.869
32	2.9 Chi phí các dịch vụ khác	34	21.348.146.399	23.223.489.731
40	Cộng chi phí hoạt động		459.790.406.862	581.125.941.487

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	35		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		3.115.765.920	3.247.133.001
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.115.765.920	3.247.133.001
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	36		
52	4.1 Chi phí lãi vay		230.077.492.225	202.726.366.390
55	4.2 Chi phí tài chính khác		3.930.697.260	-
60	Cộng chi phí tài chính		234.008.189.485	202.726.366.390
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	37	66.611.003.094	53.102.391.889
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		310.091.181.136	409.885.053.546
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		1.954.319.000	1.070.955.752
72	8.2 Chi phí khác		6.500.002	268.175.227
80	Cộng kết quả hoạt động khác		1.947.818.998	802.780.525
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		312.039.000.134	410.687.834.071
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		351.371.045.759	431.839.378.942
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(39.332.045.625)	(21.151.544.871)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	38	57.400.731.698	52.606.911.247
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.1	62.298.940.330	52.750.569.927
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38.2	(4.898.208.632)	(143.658.680)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		254.638.268.436	358.080.922.824
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	39	1.359	2.746


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngVũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		312.039.000.134	410.687.834.071
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		236.214.521.564	214.998.070.378
03	- Khấu hao tài sản cố định		998.748.434	834.803.386
04	- Các khoản dự phòng		9.213.137.733	14.994.124.513
06	- Chi phí lãi vay		230.077.492.225	202.726.366.390
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.074.856.828)	(3.557.223.911)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		14.841.002.470	3.432.336.472
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		14.841.002.470	3.432.336.472
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		24.491.043.155	718.293.399
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		24.491.043.155	718.293.399
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(501.033.750.510)	(431.375.024.374)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(302.982.200.585)	(295.884.917.661)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		403.169.542.208	276.663.430.487
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(300.000.000.000)	148.592.871.859
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		50.807.500.000	(50.769.008.700)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(5.303.170.644)	(15.485.063.371)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(906.946.450.362)	(117.806.186.160)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		14.840.868.452	(7.110.105.705)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(6.361.823.661)	29.938.006.489
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		32.850.163.797	(50.354.427.448)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		17.466.872.622	11.563.250.022
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(82.054.737.086)	(49.388.864.829)
44	- Lãi vay đã trả		(250.041.888.076)	(161.853.763.241)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(24.090.973.214)	97.397.904.179
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		83.058.790	59.979.762
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.393.627.707)	(4.998.872.811)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		8.626.031.865	(11.004.353.114)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		858.923.283.091	(229.270.367.707)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		49.000.000	1.444.689.115
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.675.200.000)	(3.109.225.540)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.551.816.813	198.461.509.946

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.513.725.000)	(1.431.457.350)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		959.090.908	310.090.910
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.115.765.920	3.247.133.001
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.561.131.828	2.125.766.561
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		906.285.396.000	6.598.972.811
73	2. Tiền vay gốc		19.885.051.179.366	7.298.763.174.874
73.2	3 Tiền vay khác		19.885.051.179.366	7.298.763.174.874
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(20.365.031.179.366)	(6.753.093.881.402)
74.3	4.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(20.365.031.179.366)	(6.753.093.881.402)
76	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(300.784.464.585)	(15.835.730)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		125.520.931.415	552.252.430.553
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		213.633.880.056	752.839.707.060
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		838.785.387.863	85.945.680.803
101.1	- Tiền		838.785.387.863	85.945.680.803
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	1.052.419.267.919	838.785.387.863
103.1	- Tiền		1.052.419.267.919	838.785.387.863

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiên
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		46.644.424.552.681	75.390.478.761.848
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(47.018.941.270.040)	(74.036.533.162.612)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		475.848.408.870	(1.674.059.684.917)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(8.090.034.649)	(10.532.112.307)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.755.151.118.282	3.353.754.320.333
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.766.133.805.033)	(3.367.894.845.756)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		82.258.970.111	(344.786.723.411)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		558.016.415.263	902.803.138.674
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		558.016.415.263	902.803.138.674
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		264.543.388.401	252.206.200.535
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		277.880.837.800	649.145.274.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		15.592.189.062	1.451.663.639
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	29	640.275.385.374	558.016.415.263
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		640.275.385.374	558.016.415.263
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		440.076.755.463	264.543.388.401
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		195.589.127.600	277.880.837.800
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		4.609.502.311	15.592.189.062


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngVũ Đức Tiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Urnimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2018		Năm 2018		31/12/2018	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết:		1.000.310.000.000	1.125.489.636.800	125.179.636.800	-	1.169.772.836.000	1.125.489.636.800
1.2 Trữ dự vốn cổ phần		1.000.000.000.000	1.053.956.740.000	53.956.740.000	-	1.018.725.270.000	1.053.956.740.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		310.000.000	71.532.896.800	71.222.896.800	-	151.047.566.000	71.532.896.800
3. Quỹ dự phòng tài chính		12.387.297.555	29.901.717.464	17.514.419.909	-	18.961.623.385	29.901.717.464
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		12.387.297.555	29.901.717.464	17.514.419.909	-	18.961.623.385	29.901.717.464
5. Lợi nhuận chưa phân phối		68.882.003.841	-	-	68.882.003.841	-	-
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		371.969.233.512	680.021.316.518	358.080.922.824	50.028.839.818	254.638.268.436	680.021.316.518
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		352.689.749.293	681.893.377.170	379.232.467.695	50.028.839.818	295.970.314.061	681.893.377.170
		19.279.484.219	(1.872.060.652)	(21.151.544.871)	-	(39.332.045.625)	(1.872.060.652)
TỔNG CỘNG		1.465.935.832.463	1.865.314.388.246	518.289.399.442	118.910.843.659	1.462.334.351.206	1.865.314.388.246

H. Thu nhập toàn diện khác

1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	68.882.003.841
TỔNG CỘNG	68.882.003.841

(*) Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng, kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chon cho người lao động của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo báo cáo số 330/2019/CV-SHS, báo cáo số 329/2019/CV-SHS và báo cáo số 331/2019/CV-SHS ngày 08 tháng 04 năm 2019, Công văn số 2333/UBCK-QLKD ngày 11 tháng 04 năm 2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Công ty được chấp thuận phát hành: 101.872.527 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Trong đó, số lượng cổ phiếu phát hành chào bán cho các cổ đông hiện hữu là 70.263.783 cổ phiếu; giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phiếu; và số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 là: 26.348.744 cổ phiếu; phát hành cổ phiếu cho người lao động là 5.260.000 cổ phiếu, giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Hiền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 2.072.682.010.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.072.682.010.000 đồng; tương đương 207.268.201 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 245/QĐ-TTGDHN từ ngày 17 tháng 06 năm 2009 với mã giao dịch là SHS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong thời gian qua, tình hình chung của Thị trường Chứng khoán Việt Nam sụt giảm liên tục dẫn đến tổng doanh thu và chi phí hoạt động của Công ty giảm so với năm trước.

Ngày 01/04/2018, Công ty chính thức thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB theo phương án hoán đổi cổ phiếu. Do đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động năm nay không thể so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chi định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+1 theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chi định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, cơ sở để đánh giá lại là báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 "Chênh lệch đánh giá lại" của Tài khoản 121 - "Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản "Giá mua" và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 5112 "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL" hoặc Tài khoản 63213 "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ" và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc báo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch	03 - 05 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SIIB được phân bổ trong vòng 7 năm.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, AFS được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL, AFS đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.16 . Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành /hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.17 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	390.042.448	36.983.089.580.620
- Cổ phiếu	66.872.448	979.514.125.620
- Trái phiếu	323.170.000	36.003.575.455.000
Của nhà đầu tư	5.207.831.729	96.656.975.456.130
- Cổ phiếu	5.014.849.749	73.873.527.499.810
- Trái phiếu	190.078.860	22.780.020.982.520
- Chứng khoán khác	2.903.120	3.426.973.800
	5.597.874.177	133.640.065.036.750

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	55.644.272	48.231.185
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	1.051.978.622.315	838.465.832.700
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	385.001.332	271.323.978
	1.052.419.267.919	838.785.387.863

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	702.337.011.133	661.132.707.070	767.061.797.970	765.189.214.610
Cổ phiếu chưa niêm yết	287.407.854.670	267.533.291.296	116.138.367.248	96.264.128.796
Trái phiếu niêm yết	341.437.500.000	341.437.500.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	145.000.000.000	145.000.000.000
	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366	1.028.200.165.218	1.006.453.343.406

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-

c) Các khoản cho vay

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Hoạt động margin	1.544.724.340.397	1.793.602.615.403
Hoạt động ứng trước tiền bán	103.115.083.230	257.406.350.432
	1.647.839.423.627	2.051.008.965.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngõ Quyền,
Phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2019	31/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	1.331.182.365.803	1.028.200.165.218	1.270.103.498.366	1.006.453.343.406	33.153.664.946	55.894.208.101	(94.232.532.383)	(77.641.029.913)	1.270.103.498.366	1.006.453.343.406
Cổ phiếu, niên yết	702.337.011.133	767.061.797.970	661.132.707.070	765.189.214.610	-	55.894.208.101	(72.507.784.731)	(577.679.1461)	1.270.103.498.366	1.006.453.343.406
- SFB	137.065.831.349	137.065.831.349	120.814.044.000	133.824.787.200	-	-	(16.251.787.349)	(3.241.044.149)	120.814.044.000	133.824.787.200
- GVR	88.727.133.688	83.461.934.417	92.398.080.000	100.907.040.000	3.670.946.312	17.445.103.583	-	-	92.398.080.000	100.907.040.000
- RCC	52.895.611.009	52.895.611.009	57.500.000.000	62.100.000.000	4.664.388.991	9.204.388.991	-	-	57.500.000.000	62.100.000.000
- BSI	57.913.027.320	36.574.984.000	31.905.932.500	36.394.255.000	-	-	(4.007.094.820)	(189.719.000)	31.905.932.500	36.394.255.000
- VGC	-	63.227.761.251	-	65.945.890.000	-	2.618.088.749	-	-	-	65.945.890.000
- VRC	101.644.178.789	47.293.702.389	93.665.894.500	39.987.220.000	-	-	(7.778.284.282)	(7.216.483.389)	93.665.894.500	39.987.220.000
- Các cổ phiếu khác	284.091.228.978	246.531.942.555	264.648.756.070	326.030.032.410	23.125.397.365	26.626.624.778	(42.579.618.273)	(47.128.544.923)	264.648.756.070	326.030.032.410
Cổ phiếu bias niên yết	1.506.475.552	1.507.650.610	1.506.751.640	1.504.473.640	2.232.278	-	(1.956.170)	(3.176.970)	1.506.751.640	1.504.473.640
- Công ty CTCP Xây lắp đầu khí Hà Nội	1.503.750.000	1.503.750.000	1.503.750.000	1.503.750.000	-	-	-	-	1.503.750.000	1.503.750.000
- Các cổ phiếu khác	2.725.552	3.900.610	3.001.640	723.640	2.232.278	-	(1.956.170)	(3.176.970)	3.001.640	723.640
Cổ phiếu chưa niên yết (*)	285.931.379.138	114.630.716.638	266.026.539.656	94.739.655.156	-	-	(21.622.791.482)	(198.710.61482)	2.660.59E+11	94.739.655.156
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nhà Trang	-	22.458.332.000	-	22.458.332.000	-	-	-	-	-	22.458.332.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	145.257.484.500	29.949.990.000	143.257.484.500	29.949.990.000	-	-	-	-	145.257.484.500	29.949.990.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học - Dược phẩm TCA	35.682.501.638	-	16.787.500.000	-	-	-	(18.895.001.638)	-	16.787.500.000	-
- Công ty CP Đông tử và Dịch vụ Công Mỹ Xuân	84.000.000.000	-	84.000.000.000	-	-	-	-	-	84.000.000.000	-
- Các cổ phiếu khác	20.961.392.000	62.222.394.638	16.981.553.156	42.331.333.156	1.750.500.000	-	(2.727.789.844)	(19.871.061.482)	19.984.103.136	42.331.333.156
Trái phiếu niên yết (**)	341.437.500.000	-	341.437.500.000	-	-	-	-	-	341.437.500.000	-
- Trái phiếu chính phủ đầu tư đời 14-2015	341.437.500.000	-	341.437.500.000	-	-	-	-	-	341.437.500.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	145.000.000.000	-	145.000.000.000	-	-	-	-	-	145.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thạch Lãng	-	145.000.000.000	-	145.000.000.000	-	-	-	-	-	145.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

đ) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
AFS	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết (***)	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành 05.11.19	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000	-
	1.631.182.365.803	1.028.200.165.218	1.570.103.498.366	1.006.453.343.406	33.153.664.946	55.894.208.101	(94.232.532.383)	(77.641.029.213)	1.570.103.498.366	1.006.453.343.406

(*) Một số cổ phiếu nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB đang được đánh giá giá trị thị trường theo báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không tìm thấy được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập. Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết còn lại, do chưa thu thập được 3 báo giá của công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá nên giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc.

(**) Trái phiếu Chính phủ đầu thầu đợt 14/2015 có thời hạn 15 năm kể từ ngày phát hành là 28/02/2015 với lãi suất 7,5%/năm.

(***) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 05/11/2019, ngày được thực hiện quyền chuyển nhượng 05/11/2021 với lãi suất 8,2%/năm.

CO
CH
NG
A
IN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	50.807.500.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.594.246.575	820.000.000
Các khoản phải thu các khoản đầu tư đảo hạn	-	5.440.876.714
Phải thu lãi hoạt động Margin	43.074.736.825	36.104.936.042
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.042.590.000.595	1.128.450.150.233
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	427.767.228.594	424.095.886.615
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	58.256.550.516	61.963.493.316
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.546.566.221.485	632.390.770.302
Phải thu hoạt động tư vấn	16.790.600.000	23.678.100.000
Phải thu khác	45.021.531.845	59.862.400.297
- Phải thu hoạt động đầu giá tự doanh	-	9.855.820.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (*)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Phải thu khác	14.951.548	5.000.000.000
	<u>2.152.071.115.840</u>	<u>1.305.163.963.286</u>

(*) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết. Với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả vụ kiện có thể được thay đổi và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo đó có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ DAI-ICHI Việt Nam	1.249.031.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	613.666.668	-
Các khoản ứng trước khác	384.887.940	741.970.854
	<u>2.247.585.608</u>	<u>741.970.854</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Dự phòng năm nay		Dự phòng năm trước	
		Số đầu năm	Số trích lập	Số cuối năm	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	820.000.000	820.000.000	-	820.000.000	820.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	820.000.000	-	820.000.000	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	23.204.719.173	1.545.481.857	10.109.115.265	11.654.597.122	1.545.481.857
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	496.614.718.006	430.482.097.672	4.093.607.195	(4.989.584.727)	430.482.097.672
- Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	483.285.797.998	417.153.177.664	4.093.607.195	(4.989.584.727)	417.153.177.664
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	330.000.000	330.000.000	-	330.000.000	330.000.000
- Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	2.998.920.008	-	2.998.920.008	2.998.920.008
	520.639.437.179	432.847.579.529	14.202.722.460	(4.989.584.727)	432.847.579.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vật tư văn phòng	205.494.831	163.096.841
Công cụ, dụng cụ	61.835.000	74.025.000
	267.329.831	237.121.841

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	1.414.165
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	140.025.000	134.085.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	20.203.348	12.320.000
Chi phí bảo trì máy móc, thiết bị chờ phân bổ	-	9.075.000
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	681.266.661
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	252.050.632	477.117.786
	412.278.980	1.315.278.612

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập (*)	54.577.078.100	64.972.712.024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.056.588.059	1.695.994.359
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	434.233.219	472.233.219
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	43.665.411	118.520.415
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	733.087.851	1.057.051.541
Chi phí thuê văn phòng	-	4.368.367.796
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	812.437.939	1.947.578.095
Chi phí trả trước dài hạn khác	540.167.770	128.673.890
	58.197.258.349	74.761.131.339

(*) Toàn bộ là lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty đã điều chỉnh thời gian phân bổ từ 10 năm thành 7 năm.

11 . CAM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

a) Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	886.132.343	893.132.343
Đặt cọc khác	4.400.000	4.400.000
	890.532.343	897.532.343

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	24.899.744.436	6.128.019.297	431.767.710	31.459.531.443
Mua trong năm	174.085.000	2.339.640.000	-	2.513.725.000
Thanh lý, nhượng bán	(419.612.070)	(2.081.392.115)	(31.053.000)	(2.532.057.185)
Tại ngày 31/12/2019	24.654.217.366	6.386.267.182	400.714.710	31.441.199.258
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	24.559.814.872	3.850.866.150	174.775.098	28.585.456.120
Khấu hao trong năm	201.294.990	703.336.791	57.109.476	961.741.257
Thanh lý, nhượng bán	(419.612.070)	(2.081.392.115)	(31.053.000)	(2.532.057.185)
Tại ngày 31/12/2019	24.341.497.792	2.472.810.826	200.831.574	27.015.140.192
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	339.929.564	2.277.153.147	256.992.612	2.874.075.323
Tại ngày 31/12/2019	312.719.574	3.913.456.356	199.883.136	4.426.059.066

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.633.395.807 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán, nguyên giá của tài sản này tại ngày 31/12/2019 là 31.196.229.207 đồng. Đến ngày 31/12/2019 các tài sản này đã khấu hao hết, trong đó khấu hao đã trích trong năm là 37.007.177 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	17.173.800.433	14.554.583.700
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.962.301.529	1.813.013.793
Số dư cuối năm	19.256.101.962	16.487.597.493

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	546.980.000.000	19.185.051.179.366	(18.744.031.179.366)	988.000.000.000
	<u>546.980.000.000</u>	<u>19.185.051.179.366</u>	<u>(18.744.031.179.366)</u>	<u>988.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	543.000.000.000	276.980.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	51.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	294.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	100.000.000.000
	<u>988.000.000.000</u>	<u>546.980.000.000</u>

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 13 ngày đến 12 tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 6%/năm đến 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố thế chấp.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	59.135.976	22.644.494.436
Phải trả người bán dài hạn	14.025.690	14.025.690
	<u>73.161.666</u>	<u>22.658.520.126</u>

b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	-	22.458.332.000
Phải trả cho người bán khác	73.161.666	200.188.126
	<u>73.161.666</u>	<u>22.658.520.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

17 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	01/01/2019		Số tăng trong kỳ		Số giảm trong kỳ		31/12/2019	
	VND		Số vay trong kỳ	Tăng khác (*)	Số trả trong kỳ	Giảm khác (*)	VND	VND
Nợ ngắn hạn								
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	150.000.000.000	-	600.000.000.000	1.446.000.000.000	(1.121.000.000.000)	(125.000.000.000)	950.000.000.000	-
- FIDES XIN ZHAO PRIVATE INVESTMENT TRUST 1	-	-	-	117.000.000.000	-	(117.000.000.000)	-	-
- FIDES XIN MOI B&I PRIVATE INVESTMENT TRUST 3	-	-	-	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-
- Tổ chức, cá nhân khác	150.000.000.000	-	600.000.000.000	429.000.000.000	(1.121.000.000.000)	(8.000.000.000)	50.000.000.000	-
Nợ dài hạn								
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.721.000.000.000	-	100.000.000.000	194.000.000.000	(500.000.000.000)	(1.515.000.000.000)	-	-
- FIDES XIN ZHAO PRIVATE INVESTMENT TRUST 1	800.000.000.000	-	-	-	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)	-	-
- FIDES XIN MOI B&I PRIVATE INVESTMENT TRUST 3	200.000.000.000	-	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	500.000.000.000	-	-	-	-	(500.000.000.000)	-	-
- Công ty TNHH MTV Hải Phát - Bình Thuận	-	-	-	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Vietnam	-	-	-	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-
- Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel	-	-	-	22.000.000.000	-	(22.000.000.000)	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	221.000.000.000	-	-	-	-	(221.000.000.000)	-	-
	1.871.000.000.000	700.000.000.000	1.640.000.000.000	1.640.000.000.000	(1.621.000.000.000)	(1.640.000.000.000)	950.000.000.000	950.000.000.000

(*) Tăng/giảm khác do chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn trả và do chuyển nhượng trái phiếu giữa các cá nhân, tổ chức.

Số dư phản ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức, cá nhân theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết sau:

- + Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 950 trái phiếu);
- + Kỳ hạn: 02 năm;
- + Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành;
- + Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- + Lãi suất: Được quy định và điều chỉnh chi tiết trong từng đợt phát hành theo từng thời kỳ;
- + Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho vay kỳ quỹ chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

18 . THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	553.699.786	341.517.342
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.298.940.330	40.054.737.086
Thuế Thu nhập cá nhân	3.586.223.721	5.192.033.872
	<u>24.438.863.837</u>	<u>45.588.288.300</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	15.792.379.085	12.746.026.268
Chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán	40.757.606.799	6.770.388.458
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	16.374.672.755	39.385.421.423
Chi phí phải trả các sản giao dịch	2.311.705.941	2.941.822.816
Chi phí giới thiệu thông tin sản phẩm	1.986.349.196	3.089.516.865
Chi phí thuê văn phòng tại số 41 Ngô Quyền – Hà Nội	330.000.000	325.600.000
Chi phí phải trả khác	822.154.480	230.324.480
	<u>78.374.868.256</u>	<u>65.489.100.310</u>

20 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC**a) Ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	1.266.400.629.532	405.561.401.617
	<u>1.266.400.629.532</u>	<u>405.561.401.617</u>

b) Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản khác	25.000.000	25.000.000
	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

(*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các khách hàng. Theo đó, Công ty có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển giao chứng khoán cho khách hàng. Trong trường hợp Hợp đồng không thực hiện được, Công ty có trách nhiệm hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc và phí cơ hội tính trên số tiền đã nhận đặt cọc nhân với lãi suất quy định và số ngày nắm giữ thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

21 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	10.472.811.714	354.974.799
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	2.632.801.089	1.278.044.015
Cổ tức trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không	1.764.634.850	1.764.634.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.332.744.119	6.014.854.017
	19.202.991.772	9.412.507.681

22 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,67%	117.434.160.000	5,81%	61.270.000.000
Các cổ đông khác	94,33%	1.955.247.850.000	94,19%	992.686.740.000
	100%	2.072.682.010.000	100%	1.053.956.740.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	340.550.702.961	681.893.377.170
Lợi nhuận chưa thực hiện	(41.204.106.277)	(1.872.060.652)
	299.346.596.684	680.021.316.518

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	681.893.377.170	352.689.749.293
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(41.204.106.277)	(1.872.060.652)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	293.970.314.061	379.232.467.695
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	975.863.691.231	731.922.216.988
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(60.923.246.770)	(50.028.839.818)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(18.961.623.385)	(17.514.419.909)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(18.961.623.385)	(17.514.419.909)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(23.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(574.389.741.500)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	340.550.702.961	681.893.377.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2019/NQ-DHDCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	379.232.467.695
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	18.961.623.385
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	18.961.623.385
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	6,07%	23.000.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (bằng 15% vốn điều lệ)	81,98%	310.902.301.500
Lợi nhuận chưa phân phối	1,95%	7.406.919.425

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.295.262.472.800	1.125.489.636.800
- Vốn góp đầu năm	1.125.489.636.800	1.000.310.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	1.169.772.836.000	125.179.636.800
- Vốn góp cuối năm	2.295.262.472.800	1.125.489.636.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	354.974.799	370.810.529
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	574.389.741.500	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	574.389.741.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(300.784.464.585)	(15.835.730)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(300.784.464.585)	(15.835.730)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(263.487.440.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(263.487.440.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	10.472.811.714	354.974.799

e) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	207.268.201	105.395.674
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	207.268.201	105.395.674
- Cổ phiếu phổ thông	207.268.201	105.395.674
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	207.268.201	105.395.674
- Cổ phiếu phổ thông	207.268.201	105.395.674
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	152.713.610.000	356.721.810.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	439.137.500.000	215.937.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	250.000.000.000	-
	841.851.110.000	572.659.310.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.501.490.000	1.501.490.000
	<u><u>1.501.490.000</u></u>	<u><u>1.501.490.000</u></u>

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	179.531.730.000	108.924.040.000
	<u><u>179.531.730.000</u></u>	<u><u>108.924.040.000</u></u>

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	21.105.570.290.000	18.635.568.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.109.444.650.000	2.836.585.260.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.814.684.440.000	2.012.928.610.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	50.000.000.000	50.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	152.563.760.000	283.103.360.000
	<u><u>26.232.263.140.000</u></u>	<u><u>23.818.185.330.000</u></u>

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	740.054.780.000	631.803.410.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	205.035.000.000	205.092.200.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	15.295.680.000	-
	<u><u>960.385.460.000</u></u>	<u><u>836.895.610.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - IIÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	157.948.760.000	277.880.837.800
	157.948.760.000	277.880.837.800

29 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	440.076.755.463	264.543.388.401
1. Nhà đầu tư trong nước	439.518.786.854	258.973.473.864
2. Nhà đầu tư nước ngoài	557.968.609	5.569.914.537
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	195.589.127.600	277.880.837.800
Tiền gửi của tổ chức phát hành	4.609.502.311	15.592.189.062
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	4.609.502.311	15.592.189.062
	640.275.385.374	558.016.415.263

30 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	440.076.755.463	264.543.388.401
1.1. Nhà đầu tư trong nước	439.518.786.854	258.973.473.864
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	557.968.609	5.569.914.537
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	195.589.127.600	277.880.837.800
2.1. Nhà đầu tư trong nước	195.589.127.600	277.880.837.800
	635.665.883.063	542.424.226.201

31 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	4.609.502.311	15.592.189.062
	4.609.502.311	15.592.189.062

32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.587.799.077.222	1.829.707.551.445
1.1 Phải trả gốc margin	1.544.724.340.397	1.793.602.615.403
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	1.544.724.340.397	1.793.602.615.403
1.2 Phải trả lãi margin	43.074.736.825	36.104.936.042
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	43.074.736.825	36.104.936.042
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	103.115.083.230	257.406.350.432
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	103.115.083.230	257.406.350.432
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	103.115.083.230	257.406.350.432
	1.690.914.160.452	2.087.113.901.877

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quỳ, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

33 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	557.692.596.300	494.610.962.135	88.300.181.880	25.218.747.715	164.788.828.875	126.298.678.423
Cổ phiếu chưa niêm yết	134.793.407.200	134.347.656.000	445.751.200	-	45.859.482.254	(1.045.415.000)
Trái phiếu niêm yết	16.251.573.835.000	16.037.809.770.000	208.217.721.159	14.453.656.159	237.416.146.786	73.272.727
Trái phiếu chưa niêm yết	16.575.586.824.473	16.580.483.183.598	5.346.653.723	10.243.012.856	6.672.055.749	1.386.609.000
Công cụ thị trường tiền tệ	16.855.239.602.125	16.849.621.137.716	6.287.158.795	668.694.378	2.157.753.572	-
	50.374.886.065.098	50.116.872.709.449	308.597.466.757	50.584.111.108	457.894.267.236	126.713.145.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ 5 Quán,
 Đường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị "thị trường"		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2019		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/01/2019		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
	VND	VND	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	VND	VND
FVTPL	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366	33.153.664.946	94.232.532.383	55.894.208.101	(77.641.029.913)	(77.641.029.913)	(77.641.029.913)	(24.491.043.155)	14.841.002.470
Cổ phiếu niêm yết	792.357.011.133	661.132.707.070	51.490.932.568	(72.507.784.731)	55.894.208.101	(57.769.268.431)	(57.769.268.431)	(57.769.268.431)	(24.491.043.155)	14.841.002.470
Cổ phiếu hủy niêm yết	1.505.475.532	1.506.751.640	2.232.278	(1.956.170)	-	(3.176.970)	(3.176.970)	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	285.901.379.138	266.025.539.656	1.750.500.000	(21.522.791.482)	-	(19.867.884.512)	(19.867.884.512)	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	341.437.500.000	341.437.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366	33.153.664.946	94.232.532.383	55.894.208.101	(77.641.029.913)	(77.641.029.913)	(77.641.029.913)	(24.491.043.155)	14.841.002.470

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, AFS

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	41.228.058.629	27.471.123.344
Từ các khoản cho vay	425.503.987.684	375.127.431.396
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.774.246.575	-
	470.506.292.888	402.598.554.740

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	743.373.648	1.122.704.304
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khác	743.373.648	1.122.704.304
Thu nhập thuần hoạt động khác	743.373.648	1.122.704.304

34 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	21.348.146.399	23.223.489.731
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	12.135.008.666	8.229.343.218
- Chi phí từ trả hệ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	22.000
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	9.213.137.733	14.994.124.513
	21.348.146.399	23.223.489.731

35 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.115.765.920	3.247.133.001
	3.115.765.920	3.247.133.001

36 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	230.077.492.225	202.726.366.390
Chi phí đầu tư khác	3.930.697.260	-
	234.008.189.485	202.726.366.390

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

37 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	34.405.116.163	26.395.673.182
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.815.082.516	880.050.082
Chi phí vật tư văn phòng	699.622.915	657.864.527
Chi phí công cụ, dụng cụ	697.156.250	570.941.847
Chi phí khấu hao TSCĐ, BDSĐT	888.173.879	684.637.285
Chi phí thuế, phí và lệ phí	210.151.567	224.087.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.090.196.731	8.935.705.794
Chi phí khác	17.805.503.073	14.753.431.405
	66.611.003.094	53.102.391.889

38 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**38.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	312.039.000.134	410.687.834.071
Các khoản điều chỉnh tăng	717.686.664	604.761.891
- Chi phí không hợp lệ	717.686.664	604.761.891
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.261.985.149)	(147.539.746.329)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(25.753.028.304)	(22.030.246.630)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(126.227.793.098)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	24.491.043.155	718.293.399
Thu nhập chịu thuế TNDN	311.494.701.649	263.752.849.633
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	62.298.940.330	52.750.569.927
Thuế TNDN từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB chuyển sang do sáp nhập	-	567.039.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	40.054.737.086	36.125.992.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(82.054.737.086)	(49.388.864.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	20.298.940.330	40.054.737.086

38.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(4.898.208.632)	(143.658.680)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	11.177.761.023	11.321.419.703
	6.279.552.391	11.177.761.023
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.898.208.632)	(143.658.680)
	(4.898.208.632)	(143.658.680)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

39 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	254.638.268.436	358.080.922.824
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	254.638.268.436	358.080.922.824
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	187.349.841	130.414.153
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.359	2.746

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

40 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.419.267.919	-	838.785.387.863	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.270.103.498.366	-	1.006.453.343.406	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	300.000.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay	1.647.839.423.627	(11.654.597.122)	2.051.008.965.835	(1.545.481.857)
Các khoản phải thu	2.152.071.115.840	(430.406.120.140)	1.305.163.963.286	(431.302.097.672)
	6.422.433.305.752	(442.060.717.262)	5.201.411.660.390	(432.847.579.529)
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Vay và nợ			1.938.000.000.000	2.417.980.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			19.621.493.473	34.004.959.842
Chi phí phải trả			78.374.868.256	65.489.100.310
			2.035.996.361.729	2.517.474.060.152

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.270.103.498.366	-	-	1.270.103.498.366
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
	<u>1.570.103.498.366</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.570.103.498.366</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.006.453.343.406	-	-	1.006.453.343.406
	<u>1.006.453.343.406</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.006.453.343.406</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.419.267.919	-	-	1.052.419.267.919
Các khoản cho vay	1.636.184.826.505	-	-	1.636.184.826.505
Các khoản phải thu	1.721.664.995.700	-	-	1.721.664.995.700
	4.410.269.090.124	-	-	4.410.269.090.124
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	838.785.387.863	-	-	838.785.387.863
Các khoản cho vay	2.049.463.483.978	-	-	2.049.463.483.978
Các khoản phải thu	873.861.865.614	-	-	873.861.865.614
	3.762.110.737.455	-	-	3.762.110.737.455

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	1.938.000.000.000	-	-	1.938.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	19.607.467.783	14.025.690	-	19.621.493.473
Chi phí phải trả	78.374.868.256	-	-	78.374.868.256
	2.035.982.336.039	14.025.690	-	2.035.996.361.729
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	696.980.000.000	1.721.000.000.000	-	2.417.980.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	33.990.934.152	14.025.690	-	34.004.959.842
Chi phí phải trả	65.489.100.310	-	-	65.489.100.310
	796.460.034.462	1.721.014.025.690	-	2.517.474.060.152

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quynh,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động báo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán		Hoạt động đầu tư tự doanh		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phần		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	126.918.670.182	142.593.472.562	329.108.728.806	468.764.143.107	310.091.181.136	1.067.385.014.657	1.067.385.014.657	459.790.406.862	3.115.765.920	300.619.192.579	3.115.765.920	459.790.406.862
Chi phí hoạt động	2.210.853.909	122.953.125.883	303.404.096.670	31.222.330.400	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kết quả hoạt động	124.707.816.273	19.640.346.679	25.704.632.136	437.541.812.707	310.091.181.136	3.115.765.920	310.091.181.136	459.790.406.862	3.115.765.920	300.619.192.579	3.115.765.920	459.790.406.862
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	25.209.952.980	1.574.697.744.941	1.783.604.675.697	1.783.604.675.697	3.383.512.373.618	3.383.512.373.618	2.689.165.166.602	2.689.165.166.602	-	2.689.165.166.602	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	25.209.952.980	1.574.697.744.941	1.783.604.675.697	1.783.604.675.697	3.383.512.373.618	3.383.512.373.618	2.689.165.166.602	2.689.165.166.602	-	2.689.165.166.602	-
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	1.310.136.377.455	-	37.019.122.034	-	1.347.155.499.489	1.347.155.499.489	2.033.186.289.549	2.033.186.289.549	-	2.033.186.289.549	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	1.310.136.377.455	-	37.019.122.034	-	1.347.155.499.489	1.347.155.499.489	2.033.186.289.549	2.033.186.289.549	-	2.033.186.289.549	-

Theo khu vực địa lý

	Chi nhánh Hà Nội		Chi nhánh Đà Nẵng		Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		Tổng cộng các bộ phần		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	951.465.999.472	12.861.769.722	103.057.245.463	1.067.385.014.657	1.067.385.014.657	459.790.406.862	3.115.765.920	300.619.192.579	3.115.765.920	459.790.406.862
Tài sản bộ phận	5.316.931.390.984	116.778.491.833	638.967.657.403	6.072.677.540.220	6.072.677.540.220	2.689.165.166.602	2.689.165.166.602	-	2.689.165.166.602	-
Nợ phải trả bộ phận	3.145.730.034.564	44.819.266.596	189.792.487.878	3.380.341.789.038	3.380.341.789.038	2.033.186.289.549	2.033.186.289.549	-	2.033.186.289.549	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

42 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

43 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu môi giới			
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	(*)	640.681.818	-
Nhận tiền vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	1.897.017.338.699	2.317.763.174.874
Trả nợ vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	1.630.997.338.699	2.931.493.881.402
Chi phí lãi vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	19.107.481.507	45.910.738.060
Chi phí lãi ký quỹ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	81.345.967.854

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	716.841.796.269	835.829.361.155
Đầu tư cổ phiếu			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	137.065.831.349	137.065.831.349
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	145.257.484.500	29.949.990.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	(*)	14.155.460.000	26.695.500.000
Phải thu của khách hàng			
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	(*)	494.000.000	-
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(*)	38.000.000	38.000.000
Trả trước cho người bán			
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	613.666.668	-
Nhận đặt cọc			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	760.000.000.000	-
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	543.000.000.000	276.980.000.000

(*) Ông Vũ Đức Tiến là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	2.802.829.870	2.420.382.800
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	11.141.240.883	9.202.733.954

44 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Kể từ ngày 01/04/2018, Công ty đã chính thức sáp nhập hoạt động kinh doanh với Công ty Cổ phần chứng khoán SHBS do đó quy mô hoạt động của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lớn hơn năm trước. Do đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là không so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay.



Nguyễn Thị Thùy
Người lập



Trần Sỹ Tiên
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020



Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**
Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SHS

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội (SHS);

Căn cứ vào Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ vào Kết quả hoạt động và Báo cáo tài chính năm 2019 do Ban Điều hành lập;

Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán năm 2019 được cung cấp bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Căn cứ vào kết quả thẩm định Báo cáo tài chính do Ban Kiểm soát thực hiện;

Thay mặt Ban Kiểm soát tôi xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2019 trước Đại hội với các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

- Trong năm 2019 nhân sự của BKS không có sự thay đổi so với năm 2018. Hiện tại BKS gồm 3 thành viên trong đó có một thành viên chuyên trách và hai thành viên kiêm nhiệm.
- BKS đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty. Trong năm 2019 BKS thực hiện 4 cuộc họp theo quý để thực hiện kiểm tra trong quý và triển khai công việc trong các quý tiếp theo. Các thành viên BKS đã hoàn thành trách nhiệm theo sự phân công cụ thể.
- Trong năm 2019 BKS đã giám sát hoạt động Công ty thông qua việc kiểm tra trực tiếp hoặc thông qua các báo cáo của Bộ phận kiểm soát nội bộ; Trong năm 2019 BKS thực hiện hai đợt kiểm tra trực tiếp tại Hội sở Công ty. BKS đã kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty, kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của UBCK Nhà nước, các quy định của Pháp luật, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế tại các Phòng ban của Công ty;
- BKS đã làm việc với một số đơn vị Kiểm toán độc lập để lựa chọn và đề xuất với HĐQT ra quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;

- BKS đã thực hiện việc thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2019 của SHS do Ban điều hành lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC ;
- BKS đã tham gia một số cuộc họp HĐQT, một số cuộc họp kế hoạch kinh doanh của BDH với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của Công ty;
- Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty: Trong năm 2019, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc quản trị điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019, đồng thời với việc xem xét BCTC của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

BKS thống nhất với số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, báo cáo kết quả kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ 1/1/2019 đến 31/12/2019, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2019 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Trên cơ sở đó BKS kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 do Ban Điều hành báo cáo, số liệu cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2019 (DẠNG RÚT GỌN)

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2018	Tăng (giảm) 2019/2018	% 2019/2018
I	Tổng cộng tài sản	6,072,677,540,220	4,868,960,490,232	1,203,717,049,988	124.72
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1,052,419,267,919	838,785,387,863	213,633,880,056	125.47
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	1,270,103,498,366	1,006,453,343,406	263,650,154,960	126.20
3	Các khoản cho vay	1,647,839,423,627	2,051,008,965,835	(403,169,542,208)	80.34
4	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	300,000,000,000		300,000,000,000	
5	Các khoản phải thu	47,668,983,400	93,173,312,756	(45,504,329,356)	51.16
6	Trả trước cho người bán	2,247,585,608	741,970,854	1,505,614,754	302.92
7	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2,059,380,600,595	1,152,128,250,233	907,252,350,362	178.75
8	Các khoản phải thu khác	45,021,531,845	59,862,400,297	(14,840,868,452)	75.21
9	Dự phòng suy giảm các khoản phải thu	(442,060,717,262)	(432,847,579,529)	(9,213,137,733)	102.13

10	Tài sản ngắn hạn khác	7,287,414,402	4,597,094,842	2,690,319,560	158.52
11	Tài sản cố định	4,426,059,066	2,911,082,500	1,514,976,566	152.04
12	Tài sản dài hạn khác	78,343,892,654	92,146,261,175	(13,802,368,521)	85.02
II	Tổng cộng nguồn vốn	6,072,677,540,220	4,868,960,490,232	1,203,717,049,988	124.72
1	Nợ ngắn hạn	3,374,023,210,957	1,271,429,315,273	2,102,593,895,684	265.37
2	Nợ dài hạn	6,318,578,081	1,732,216,786,713	(1,725,898,208,632)	0.36
3	Vốn chủ sở hữu	2,692,335,751,182	1,865,314,388,246	827,021,362,936	144.34

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

S T T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2018 (ĐỒNG)	KẾ HOẠCH NĂM 2019 (ĐỒNG)	THỰC HIỆN NĂM 2019 (ĐỒNG)	HTK H (%)	2019/2 018 (%)
I	Doanh thu hoạt động	1,243,592,620,311	1,286,607,000,000	1,067,385,014,657	82.96	85.83
II	Chi phí hoạt động KD	581,125,941,487	544,058,180,000	459,790,406,862	84.51	79.12
III	Doanh thu hoạt động tài chính	3,247,133,001	3,500,000,000	3,115,765,920	89.02	95.95
I V	Chi phí hoạt động tài chính	202,726,366,390	263,668,000,000	234,008,189,485	88.75	115.43
V	Chi phí bán hàng					
V I	Chi phí quản lý Công ty Chứng khoán	53,102,391,889	62,537,364,400	66,611,003,094	106.5 1	125.44
V II	Kết quả hoạt động	409,885,053,546	419,843,455,600	310,091,181,136	73.86	75.65
V III	Thu nhập khác và chi phí khác	802,780,525	500,000,000	1,947,818,998		242.63
I X	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	410,687,834,071	420,343,455,600	312,039,000,134	74.23	75.98
X	Chi phí thuế TNDN	52,606,911,247	74,735,256,564	57,400,731,698	76.81	109.11
X I	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	358,080,922,824	345,608,199,036	254,638,268,436	73.68	71.11
X III	Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	2,746		1,359		49.49

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN

(Thực hiện so với KHKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Các chỉ tiêu chủ yếu	TH năm 2018	KH 2019	TH năm 2019	% HTK H	2019/2018 (%)
1	Tổng doanh thu	1,247,910,709,064	1,290,613,000,000	1,072,455,099,577	83.10	85.94
2	Tổng chi phí	837,222,874,993	870,269,544,400	760,416,099,443	87.38	90.83
3	Lợi nhuận sau thuế	358,080,922,824	345,608,199,036	254,638,268,436	73.68	71.11
4	Lợi nhuận sau thuế/DT (ROS) (%)	28.69	26.78	23.74	88.67	82.75
5	Lợi nhuận sau thuế/TTS (ROA) (%)	7.35		4.19		57.02
6	Lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	19.20		9.46		49.27
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,746		1,359		49.49

Đánh giá:

- Về doanh thu: Thực hiện năm 2019 đạt 1072,4 tỷ đồng bằng 83,1% so với kế hoạch năm 2019 và bằng 85,94% với thực hiện năm 2018. Chủ yếu do
 - Doanh thu môi giới đạt 128,0 tỷ đồng bằng 56,86% với kế hoạch năm 2019 bằng 52,09% so với thực hiện năm 2018.
 - Doanh thu đầu tư đạt 325,3 tỷ đồng bằng 61,04% so với kế hoạch năm 2019, bằng 67,13% so với thực hiện năm 2018.
 - Thu lãi các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư đạt 425,5 đồng bằng 109,19% so với kế hoạch năm 2019, bằng 113,43% so với thực hiện năm 2018.
- Tổng chi phí năm 2019 là 760,4 tỷ đồng bằng 87,38% kế hoạch năm 2019 bằng 90,83% so với năm 2018 chủ yếu do:
 - Chi phí hoạt động môi giới là 112,2 tỷ đồng bằng 67,36% so với KH năm 2019 và bằng 63,51% so với năm 2018.
 - Hoạt động tự doanh ghi nhận lỗ 66,5 tỷ đồng bằng 45,01 % so với KH năm 2019 và bằng 44,84% so với năm 2018.
 - Chi phí trả lãi vay là 230 tỷ đồng bằng 87,26% so với KH năm 2019 và bằng 113,49% so với thực hiện năm 2018.
- Về lợi nhuận sau thuế: Năm 2019 đạt 254,63 tỷ đồng bằng 73,68 % kế hoạch năm 2019 và bằng 71,11% so với thực hiện năm 2018 .Tốc độ tăng doanh thu còn thấp hơn tốc độ tăng của chi phí.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2019, Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban

Điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng với luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức họp 9 lần thông qua hình thức tập trung và lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến vấn đề trọng yếu của Công ty như: Thông qua kế hoạch SXKD quý và 6 tháng, năm; Họp để phân công các mảng công việc cho từng thành viên HĐQT; họp đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020; Họp để thông qua các phương án phát hành trái phiếu; Họp thông qua phương án tăng vốn điều lệ, huy động vốn và sử dụng vốn hiệu quả, phương án đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu; Họp bàn về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty
- HĐQT đã ban hành 2 nghị quyết, 36 Quyết định và phê duyệt 40 Tờ trình của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động của Công ty như: Quyết định thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019; Quyết định thay đổi thành viên HĐQT, miễn nhiệm thành viên HĐQT; Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài; Quyết định giao dịch giữa SHS và SHB; Quyết định xử lý cổ phần còn dư; Quyết định xử lý hồ sơ cổ đông; Quyết định chi trả cổ tức năm 2018; Quyết định chi thù lao cho HĐQT và BKS Quyết định về vay vốn ngân hàng, đầu tư trái phiếu; Quyết định mua sắm tài sản và công cụ cho Hội sở; Quyết định về chế độ bảo hiểm cho CBNV; Quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân xuất sắc.....
- Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo thường xuyên Ban Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Hoạt động Môi giới, dịch vụ tài chính, nguồn vốn và đầu tư luôn được chú trọng, tiếp tục giữ vững mục tiêu đưa SHS trở thành một trong những công ty Chứng khoán hàng đầu.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh với tinh thần trách nhiệm cao theo đúng quy định tại Điều lệ SHS, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện thường xuyên các cuộc họp giao ban định kỳ với các lãnh đạo Phòng ban và Chi nhánh để đánh giá hoạt động kinh doanh trong kỳ và triển khai các hoạt động kinh doanh tiếp theo.
- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ đề ra theo Nghị quyết ĐHCĐ.
- Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính năm 2019 luôn được chú trọng nên đã giảm thiểu được rủi ro cho Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng theo nhiệm vụ được phân công.

Tất cả các hoạt động của Công ty đều phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, việc công bố thông tin được thực hiện kịp thời, minh bạch. BKS không thấy điều gì bất thường trong quản trị điều hành SHS của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN ĐH

Trong năm 2019, BKS đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty. BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

BKS đã tham dự các phiên họp của HĐQT, tham dự một số phiên họp giao ban của Ban lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tham dự Hội nghị sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh 6 tháng, tổng kết năm của Công ty.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020 CỦA BKS

Để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đề ra kế hoạch công việc trong năm 2020 như sau:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản trị của HĐQT, Ban Điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản ... của Công ty;
- Xem xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, tỷ lệ an toàn tài chính, các giải pháp thực hiện, công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác liên quan người lao động trong Công ty;
- Định kỳ hàng quý kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng và hàng quý của Công ty.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Điều hành và các phòng ban trong công ty.
- Tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tham dự đầy đủ các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành có liên quan đến công tác Kiểm soát.
- BKS duy trì họp định kỳ hàng quý để sơ kết công tác của quý và đề ra phương hướng công tác quý tới của BKS.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Kết luận :

- Năm 2019 trong bối cảnh thị trường kém thuận lợi thanh khoản sụt giảm mạnh và chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ phía các công ty chứng khoán khác đặc biệt các công ty có vốn ngoại. hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục có lãi. Lợi nhuận sau thuế đạt 254,6 tỷ đồng bằng 73,68% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua. Qua đó thể hiện sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, sự cố gắng nỗ lực của Ban Giám đốc và tập thể nhân viên SHS.
- Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 1053 tỷ đồng lên 2072 tỷ đồng giúp SHS cơ cấu lại nguồn vốn, hoạt động lành mạnh hơn;

Kiến nghị

- Công ty cần xây dựng cơ chế giao khoán doanh thu và đánh giá kết quả kinh doanh đối với từng nhân viên Phòng đầu tư; cần nghiên cứu và đề xuất các kênh đầu tư mới để hiệu quả hoạt động tốt hơn.
- Công ty tiếp tục chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ đối với từng sản phẩm, tập trung nghiên cứu và xây dựng các sản phẩm mới, đi đầu thị trường, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư.
- Công ty tiếp tục và duy trì tốt công tác quản trị rủi ro trong hoạt động Môi giới, Đầu tư và Dịch vụ Tài chính đáp ứng qui mô hoạt động ngày càng tăng trưởng và mở rộng.
- Đối với nợ xấu đã được trích lập dự phòng đề nghị Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty trong thời gian nhanh nhất.
- Cần xây dựng và triển khai sản phẩm chứng khoán phái sinh để tăng tính cạnh tranh trên thị trường hứng khoán.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, BKS xin cảm ơn và mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác của HĐQT, BDH, các phòng ban chức năng trong Công ty tạo mọi điều kiện tốt nhất, phối hợp, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt.

Trân trọng cảm ơn.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

Số: 01-2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quyết định thay đổi Thành viên HĐQT)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ngày 07/11/2019, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội Mai Anh Chính đã có đơn xin thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT.

Căn cứ thẩm quyền được pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép, căn cứ Đơn xin thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT của ông Mai Anh Chính, Hội đồng Quản trị đã họp thống nhất thông qua và ban hành các Quyết định:

- Quyết định số 32-2019/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2019 về việc thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Mai Anh Chính theo nguyện vọng cá nhân của ông Chính kể từ ngày 15/11/2019;
- Quyết định số 01-2020/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2020 bổ nhiệm bà Nguyễn Diệu Trinh thay thế giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị SHS trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017-2022 kể từ ngày 03/01/2020.

Lý lịch trích ngang bà Nguyễn Diệu Trinh và Quyết định bổ nhiệm được đính kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các Quyết định của HĐQT về việc thay đổi Thành viên Hội đồng Quản trị này.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 02-2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2019;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2019	312,039,000,134
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2019	57,400,731,698
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019	254,638,268,436
3.1	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	(39,332,045,625)
3.2	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	293,970,314,061
4	Trích lập các quỹ năm 2019	44,397,031,406
4.1	Trích lập Quỹ Dự trữ bổ sung Vốn điều lệ 5% LNST	14,698,515,703
4.2	Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% LNST	14,698,515,703
4.3	Trích lập Quỹ khen thưởng	5,000,000,000
4.4	Trích lập Quỹ phúc lợi	10,000,000,000
5	Lợi nhuận còn lại năm 2019 sau khi trích lập các Quỹ ((5)=(3.2)-(4))	249,573,282,655
6	Lợi nhuận đã thực hiện giữ lại các năm trước	46,580,388,899
7	Tổng lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập các quỹ ((7)=(5)+(6))	296,153,671,554
8	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 12% tương đương 1.200đ/cổ phiếu	248,721,841,200
9	Lợi nhuận giữ lại sau khi trả cổ tức năm 2019 ((9)=(7)-(8))	47,431,830,354

Ghi chú:

- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 207.268.201 cổ phiếu
- Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành năm 2018: 2.072.682.010.000 đồng



- Việc chia cổ tức bằng tiền mặt được thực hiện sau khi ĐHĐCĐ SHS thông qua và SHS hoàn tất các thủ tục theo quy định pháp luật có liên quan.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện theo quy định Pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG HIỂN



TỜ TRÌNH

(V/v: Quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2020)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

A. Báo cáo về việc chi thù lao năm 2019

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi thù lao năm 2019 cho HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

Cơ cấu HĐQT và Ban Kiểm soát gồm: 05 (năm) TV HĐQT, 03 (ba) TV BKS;

Quỹ thù lao năm 2019 được ĐHCĐ phê duyệt: 1.5% tỷ LNST năm 2018 nhưng không thấp hơn 4.6 tỷ đồng;

Thù lao HĐQT đã chi: 3.038.888.869 đồng;

Thù lao BKS đã chi: 1.366.507.075 đồng;

Tổng chi: 4.405.395.944 đồng;

B. Kế hoạch chi thù lao năm 2020

- Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2022 được ĐHCĐ phê chuẩn;
- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- Căn cứ yêu cầu về công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm 2020,

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

- Quỹ thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 không thay đổi so với Quỹ của năm 2019 là 1,5% trên lợi nhuận sau thuế và không thấp hơn 4,6 tỷ đồng.
- Mức phân bổ cụ thể cho từng Thành viên sẽ giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với kết quả Kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ QUANG HIỂN

Số: 04-2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, tính công khai minh bạch trong các hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán năm tài chính 2020 như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT, các Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ thường trực quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán năm tài chính 2020 trong thời hạn theo quy định của Pháp luật.
2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán các Công ty chứng khoán và doanh nghiệp niêm yết năm 2020 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
3. Ban Kiểm soát SHS giám sát quá trình đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính của SHS, tuân thủ các quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 05-2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ngày 26/11/2019, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã ban hành Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/ 01/ 2021. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật số 62/2010/ hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Dựa trên các điều khoản của Luật quy định, Điều lệ của SHS và Quy chế Quản trị nội bộ nhất thiết phải được sửa đổi, bổ sung một số điều khoản với mục tiêu:

- Phù hợp với các quy định của Luật, thực tế hoạt động của doanh nghiệp giai đoạn 2021 trở đi;
- Bảo vệ quyền lợi của đồng thời Cổ đông, Nhà Đầu tư, đối tác và Doanh nghiệp;
- Nâng cao trách nhiệm công ty, tăng cường tính minh bạch, tính tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính và quản trị rủi ro trong tất cả hoạt động quản trị, điều hành và nghiệp vụ;
- Xây dựng hoàn thiện Điều lệ và hệ thống Quy chế nội bộ SHS chuẩn mực đúng pháp luật, phù hợp với thực tế hoạt động, tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển ổn định, bền vững, minh bạch của Công ty, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển của SHS trong hệ thống tài chính, thị trường chứng khoán.

Tóm lược một số vấn đề của Điều lệ SHS, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty cần sửa đổi, bổ sung được gửi kèm tại Phụ lục văn bản này.

Tuy nhiên việc xây dựng, hoàn thiện Điều lệ, Quy chế theo Luật Chứng khoán 2019 còn phụ thuộc vào nội dung các Thông tư, Điều lệ mẫu hướng dẫn cụ thể, dự kiến vào tháng 9/2020.

Trên cơ sở nội dung các Thông tư, Quy định, Điều lệ mẫu hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán 2019, SHS sẽ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Điều lệ, Quy chế Công ty để đảm bảo hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 hoặc thời gian phù hợp theo quy định pháp luật.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

1. Phê chuẩn ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, các Ủy ban thuộc HĐQT soạn thảo, xây dựng và hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Nội bộ Công ty tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Phê chuẩn ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời gian áp dụng Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung theo quy định của Pháp luật. *PT*



3. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định pháp luật về CBTT cho toàn thể Cổ đông, Nhà Đầu tư, CQQLNN toàn văn nội dung các văn bản sửa đổi; báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại phiên họp thường niên gần nhất về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ SHS.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

